

SỞ GD & ĐT ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT NHƠN TRẠCH

BÀI DỰ THI
TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI NĂM 2018
(Học sinh)

Họ và tên: Nguyễn Thành Tín

Học sinh lớp: 11a9

Giới tính : nam

Đoàn viên: Trung học phổ thông nhơn trạch

Điện thoại:

Email:

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA-LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

CÂU HỎI

Câu 1: Trình bày những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay và tên gọi Đồng Nai có nguồn gốc như thế nào?

Câu 2: Cho biết những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chống Mỹ (1954-1975). Trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai; Anh (chị) sẽ làm gì để phát huy truyền thống cách mạng ấy?

BÀI LÀM

Câu 1: Trình bày những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay và tên gọi Đồng Nai có nguồn gốc như thế nào?

Trả lời:

Đồng Nai là tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ Việt Nam. Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với diện tích tự nhiên là 5.894,78km² (theo số liệu tổng kiểm kê đất đai năm 2000), với dân số hơn 2 000 000 người(theo số liệu điều tra của ủy ban dân số gia đình và trẻ em). Đồng Nai có tọa độ từ 10o30'03 đến 11o34'57''B và từ 106o45'30 đến 107o35'00"Đ. Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và Bình Dương. Đồng Nai có vị trí hết sức quan trọng, là cửa ngõ phía đông Thành phố Hồ Chí Minh và là một trung tâm kinh tế lớn của cả phía Nam, nối Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ. Với địa hình tương đối bằng phẳng, khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa là mùa khô và mùa mưa thuận lợi cho việc sinh sống và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Năm Mậu Dần 1698, Chương cơ Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu vào kinh lý và khai phá vùng đất phương Nam, trong đó có Đồng Nai, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển của quê hương đất nước của con người Việt Nam. Một trang sử mới mở ra cho lịch sử, đưa vùng đất Đồng Nai vào lãnh thổ cai quản của chúa Nguyễn. Kể từ thời điểm đó, miền đất này chính thức trở thành một đơn vị hành chính trực thuộc lãnh thổ Đại Việt Nam.

Năm 1832, vua Minh Mạng bỏ chức tổng trấn và chia các trấn thành lục tỉnh, tỉnh Biên Hòa có từ đây. Từ đó Biên Hòa - Đồng Nai trải qua thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chống đế quốc Mỹ (1954-1975) dưới sự lãnh đạo của Đảng, thời kỳ đất nước chia đôi 1954 - 1975, và từ 1975 đến nay.

Từ năm 1976 đến nay Đồng Nai có những thay đổi về địa giới hành chính như sau:

Tháng 2 năm 1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sát nhập các tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú (hai huyện Tân Uyên và Phú Giáo của tỉnh Tân Phú cắt chuyển vào tỉnh Sông Bé). Tỉnh Đồng Nai gồm các đơn vị hành chính trực thuộc: thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu và các huyện Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành, Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, Duyên Hải, 1 quần đảo là Trường Sa. Toàn tỉnh có 154 phường, xã, thị trấn.

Lúc bấy giờ, Đồng Nai giáp các tỉnh: Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh, phía Tây bắc giáp tỉnh Sông Bé (nay là Bình Dương), phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Nam giáp Biển Đông (nay giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Ngày 29 tháng 12 năm 1978, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, quyết định chuyển huyện Duyên Hải của tỉnh Đồng Nai nhập vào Thành phố Hồ Chí Minh. Tỉnh Đồng Nai còn 1 thành phố, 1 thị xã và 8 huyện, 1 quần đảo.

Ngày 30 tháng 5 năm 1979, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quyết định tách thị xã Vũng Tàu và xã Long Sơn thuộc huyện Châu Thành khỏi địa phận tỉnh Đồng Nai thành lập Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo. Tỉnh Đồng Nai còn 1 thành phố và 8 huyện, 1 quần đảo, gồm 141 phường, xã, thị trấn. Ngày 9 tháng 12 năm 1982, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 193, thành lập huyện Trường Sa (toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa – thuộc huyện Long Đất). Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố và 9 huyện. Từ tháng 12, huyện Trường Sa được Quốc hội chuyển nhập vào tỉnh Phú Khánh. Tỉnh Đồng Nai còn lại 1 thành phố và 8 huyện.

Ngày 23 tháng 12 năm 1985, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 284, thành lập Thị xã Vĩnh An trên cơ sở huyện Vĩnh Cửu và 2 Lâm trường Hiếu Liêm, Mã Đà của huyện Tân Phú. Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện, gồm 147 phường, xã, thị trấn. Ngày 10 tháng 4 năm 1991, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 107, chia huyện Xuân Lộc thành 2 huyện Long Khánh, Xuân Lộc; chia huyện Tân Phú thành 2 huyện Tân Phú, Định Quán. Ngày 12 tháng 8 năm 1991, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quyết định cắt chuyển 3 huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc của tỉnh Đồng Nai nhập vào tỉnh mới Bà Rịa – Vũng Tàu. Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện, gồm 119 phường, xã, thị trấn.

Ngày 23 tháng 6 năm 1994, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị định số 51, chia huyện Long Thành thành 2 huyện: Long Thành, Nhơn Trạch. Ngày 29 tháng 8 năm 1994, thành lập lại huyện Vĩnh Cửu trên cơ sở thị xã Vĩnh An.

Ngày 21 tháng 8 năm 2003, Nghị định số 97/2003/NĐ - CP ngày 21/8/2003 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thành lập huyện Thống Nhất, Trảng Bom trên cơ sở chia tách huyện Thống Nhất trước đây, nâng huyện Long Khánh trở thành Thị xã Long Khánh, thành lập huyện Cẩm Mỹ trên cơ sở một số xã của huyện Long Khánh và huyện Xuân Lộc.

Từ đó cho đến nay, tỉnh Đồng Nai nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính với việc cắt chuyển một số địa bàn cho các tỉnh mới, một số địa bàn tách, sát nhập lại. Hiện nay, tỉnh Đồng Nai gồm 11 đơn vị hành chính như sau: Thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu.

Năm 1976, chính quyền mới hợp nhất tỉnh Biên Hòa, tỉnh Long Khánh và tỉnh Phước Tuy thành tỉnh Đồng Nai. Khi hợp nhất, tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu và 9 huyện: Châu Thành, Duyên Hải, Long Đất, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Xuyên Mộc. Tỉnh lỵ đặt tại thành phố Biên Hòa.

Năm 1978: Quyết định 272-CP Thành phố Biên Hòa, huyện Thống Nhất

Quyết định **272-CP**^[1] ngày 23 tháng 12 năm 1978 của Hội đồng Chính phủ về việc sáp nhập xã Hồ Nai 1 và xã Hồ Nai 2 của huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai vào thành phố Biên Hòa: Sáp nhập các xã Hồ Nai 1 và Hồ Nai 2 của huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai vào thành phố Biên Hòa và chuyển các xã này thành các phường gọi là phường Hồ Nai 1 và phường Hồ Nai 2, thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Năm 1978: Kỳ họp thứ 4 - Quốc hội khóa VI

Kỳ họp thứ 4 - Quốc hội khóa VI thông qua quyết định chuyển huyện Duyên Hải về thành phố Hồ Chí Minh quản lý (từ năm 1991, gọi lại tên cũ là huyện Cần Giờ)

Năm 1979: Nghị quyết của Quốc hội thành lập đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo

Nghị quyết của Quốc hội thành lập đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo trên cơ sở tách thị xã Vũng Tàu, xã Long Sơn thuộc huyện Châu Thành của tỉnh Đồng Nai và huyện Côn Đảo của tỉnh Hậu Giang (nay là thành phố Cần Thơ và các tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng)^[3].

Năm 1980: Quyết định 66-CP: Quyết định 66-CP ngày 01 tháng 03 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ điều chỉnh địa giới đổi tên xã thuộc tỉnh Đồng Nai:

Huyện Châu Thành, huyện Xuyên Mộc: Sáp nhập xã Tân Lập của huyện Xuyên Mộc vào huyện Châu Thành cùng tỉnh.

Huyện Long Thành: Đổi tên xã Siph thuộc huyện Long Thành thành xã Long Đức.

Năm 1982: Quyết định 192-HĐBT

Quyết định **192-HĐBT** ngày 08 tháng 12 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch địa giới xã, thị trấn thuộc tỉnh Đồng Nai:

Huyện Châu Thành

Chia xã Phú Mỹ thành hai xã lấy tên là xã Phú Mỹ và xã Mỹ Xuân.

Chia xã Phước Hòa thành hai xã lấy tên là xã Phước Hòa và xã Hội Bài.

Thành lập thị trấn Bà Rịa trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Phước Lễ.

Thành lập xã kinh tế mới lấy tên là xã Châu Pha trên cơ sở sáp nhập một phần đất của xã Hắc Dịch và một phần đất của xã Long Hương có tổng diện tích tự nhiên 4100 héc-ta.

Sáp nhập hai ấp Kim Hải của Phước Hòa về xã Long Hương và ấp Trảng Lớn, xã Phú Mỹ về xã Hắc Dịch quản lý.

Sáp nhập xã Tân Lập của huyện Châu Thành vào huyện Xuân Lộc.

Huyện Xuân Lộc

Thành lập thị trấn nông trường sông Ray trên cơ sở sáp nhập xã Tân Lập và nông trường sông Ray.

Huyện Thống Nhất

Chia xã Gia Tân thành ba xã lấy tên là xã Gia Tân 1, xã Gia Tân 2 và xã Gia Tân 3.

Chia xã Gia Kiệm thành hai xã lấy tên là xã Gia Kiệm và xã Quang Trung.

Năm 1984: Quyết định 12-HĐBT

Quyết định **12-HĐBT** ngày 17 tháng 01 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch địa giới một số xã, thị trấn, phường của tỉnh Đồng Nai:

Huyện Xuân Lộc

Chia xã Xuân Bình thành hai xã lấy tên là xã Xuân Bình và xã Xuân Vinh.

Chia xã Xuân Tân thành hai xã lấy tên là xã Xuân Tân và xã Xuân Mỹ.

Huyện Tân Phú

Giải thể xã Phú Hiệp để thành lập thị trấn Phú Hiệp.

Chia xã Phú Ngọc thành hai xã lấy tên là xã Phú Ngọc và xã Suối Nho.

Huyện Xuyên Mộc

Chia xã Phước Bửu thành hai xã lấy tên là xã Phước Bửu và xã Phước Tân.

Huyện Long Thành

- Hợp nhất xã Phước Long và xã Phước Thọ thành một xã lấy tên là xã Long Thọ.
- Hợp nhất xã Phước Lai và xã Phước Kiểng thành một xã lấy tên là xã Hiệp Phước.
- Hợp nhất xã An Lợi và xã Phước Nguyên thành một xã lấy tên là xã An Phước.

Huyện Long Đất

Giải thể 2 xã Long Điền và Long Hải để thành lập 2 thị trấn Long Điền và Long Hải.

Thành phố Biên Hòa

- Chia phường Hồ Nai 2 thành hai phường lấy tên là phường Tân Biên và phường Tân Hòa.
- Hợp nhất xã Bửu Long và xã Tân Thành thành một xã lấy tên là xã Tân Bửu.
- Giải thể 2 xã Tân Vạn và Tân Phong để thành lập 2 phường Tân Vạn và Tân Phong.

Năm 1984: Quyết định 180-HĐBT

Thành phố Biên Hòa; Quyết định 180-HĐBT^[7] ngày 28 tháng 12 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập phường Bửu Hòa thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai: Thành lập phường Bửu Hòa trên cơ sở xã Bửu Hòa thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Năm 1985: Quyết định 24-HĐBT

Quyết định 24-HĐBT^[8] ngày 01 tháng 02 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch địa giới xã, thị trấn tỉnh Đồng Nai:

Huyện Châu Thành

Chia xã Ngãi Giao thành 4 xã lấy tên là xã Kim Long, xã Xà Bang, xã Láng Lớn và xã Ngãi Giao.

Chia xã Suối Nghệ thành 2 xã lấy tên là xã Nghĩa Thành và xã Suối Nghệ.

Huyện Tân Phú

Đổi tên thị trấn Phú Hiệp thành thị trấn Định Quán.

Năm 1985: Quyết định 284-HĐBT

Thị xã Vĩnh An

- Quyết định **284-HĐBT**^[9] ngày 23 tháng 12 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập thị xã Vĩnh An thuộc tỉnh Đồng Nai:

- Thành lập thị xã Vĩnh An thuộc tỉnh Đồng Nai trên cơ sở huyện Vĩnh Cửu và hai lâm trường Hiếu Liêm, Mã Đà của huyện Tân Phú

- Thành lập phường Cây Gáo trên cơ sở xã Cây Gáo.

- Thành lập phường Trị An trên cơ sở xã Trị An.

- Thị xã Vĩnh An gồm 2 phường Trị An, Cây Gáo và 11 xã Bình Hòa, Bình Long, Bình Thạnh, Bình Phước, Bình Y, Đại An, Lợi Hòa, Tân Định, Tân Phú, Tân Triều, Thiện Tân, và hai lâm trường Hiếu Liêm, Mã Đà.

- Huyện Tân Phú sau khi cắt lâm trường Hiếu Liêm và Mã Đà để thành lập thị xã Vĩnh An, còn 13 xã: Phú Bình, Phú Cường, Phú Điền, Phú Hoa, Phú Hòa, Phú Lâm, Phú Lập, Phú Lộc, Phú Lý, Phú Ngọc, Phú Thanh, Phú Túc, Suối Nho và 1 thị trấn Định Quán.

Năm 1986: Quyết định 59-HĐBT

Huyện Xuân Lộc.: Quyết định 59-HĐBT ngày 14 tháng 05 năm 1986 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập 2 xã Xuân Đông, Xuân Tây thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai:

Thành lập xã Xuân Đông và Xuân Tây tại khu vực kinh tế mới thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Xã Xuân Đông có diện tích tự nhiên 3.167 hécta với 2.531 nhân khẩu.

Xã Xuân Tây có diện tích tự nhiên 2.787 hécta với 3.501 nhân khẩu.

Năm 1987: Quyết định 16-HĐBT

Quyết định 16-HĐBT^[11] ngày 12 tháng 02 năm 1987 của Hội đồng Bộ trưởng về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, phường thuộc các huyện Long Thành, Tân Phú, Xuân Lộc, thị xã Vĩnh An, tỉnh Đồng Nai:

Huyện Long Thành: Hợp nhất xã An Hòa và xã Long Hưng thành một xã lấy tên là xã Hòa Hưng.

Thị xã Vĩnh An, huyện Tân Phú

Sáp nhập xã Phú Lý thuộc huyện Tân Phú vào thị xã Vĩnh An.

Huyện Xuân Lộc

Thành lập xã Xuân Bắc trên cơ sở nông trường Thọ Vực và phân trường 1 Thọ Vực thuộc lâm trường Xuân Lộc.

Năm 1988: Quyết định 103-HĐBT

Thành phố Biên Hòa

Quyết định 103-HĐ ngày 05 tháng 07 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch địa giới hành chính phường Tam Hòa của thành phố Biên Hòa thuộc tỉnh Đồng Nai:

- Chia phường Tam Hòa của thành phố Biên Hòa thuộc tỉnh Đồng Nai thành 2 phường lấy tên là phường Tam Hòa và phường Bình Đa.

- Phường Tam Hòa (mới) có 47 tổ dân phố (từ tổ 1 đến tổ 47) với 10.201 nhân khẩu.

- Phường Bình Đa có 38 tổ dân phố (từ tổ 1 đến tổ 38) với 9.551 nhân khẩu.

***Năm 1988: Quyết định 190-HĐBT**

- Quyết định 190-HĐB tháng 12 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về việc Quyết định 190-HĐBT năm 1988 thành lập 4 xã: Dak Lua, Nam Cát Tiên, Núi Tượng, Phú An tại vùng kinh tế mới thuộc huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

- Thành lập 4 xã tại vùng kinh tế mới thuộc huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai lần lượt lấy tên là xã Dak Lua, Nam Cát Tiên, Núi Tượng, Phú An.

*** Năm 1991: Quyết định 107-HĐBT**

Quyết định 107-HĐB ngày 10 tháng 4 năm 1991 chia các huyện Xuân Lộc và Tân Phú thành 4 huyện lấy tên là huyện Xuân Lộc, huyện Long Khánh, huyện Tân Phú và huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai:

- Huyện Xuân Lộc, huyện Long Khánh

+Huyện Xuân Lộc có thị trấn Xuân Lộc, thị trấn Sông Ray và 13 xã: Xuân Bắc, Xuân Bảo, Xuân Định, Xuân Đông, Xuân Hiệp, Xuân Hòa, Xuân Hưng, Xuân Phú, Xuân Tâm, Xuân Tây, Xuân Thành, Xuân Thọ, Xuân Trường.

+Huyện Long Khánh có thị trấn Xuân Lộc và 6 xã: Xuân Bình, Xuân Đường, Xuân Lập, Xuân Mỹ, Xuân Tân, Xuân Vinh.

- Huyện Tân Phú, huyện Định Quán

+Huyện Tân Phú có 10 xã: Dak Lua, Nam Cát Tiên, Núi Tượng, Phú An, Phú Bình, Phú Điền, Phú Lâm, Phú Lập, Phú Lộc, Phú Thanh.

Quyết định 593/QĐ-TCC năm 1992 của Ban Tổ chức Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới thành lập xã, thị trấn thuộc các huyện Tân Phú, Xuân Lộc và Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Huyện Tân Phú

Chia xã Phú Lộc thành 2 xã: Phú Lộc, Trà Cỏ và thị trấn Tân Phú - thị trấn huyện lỵ huyện Tân Phú.

Huyện Xuân Lộc

Giải thể thị trấn nông trường Sông Ray để thành lập xã Sông Ray.

Huyện Long Khánh

Chia xã Xuân Đường thành 2 xã: Xuân Đường và Xuân Quế.

Năm 1993: Quyết định 219-TTg[sửa | sửa mã nguồn]

Quyết định 219-TT ngày 10 tháng 05 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận thành phố Biên Hòa là đô thị loại 2.

Năm 1994: Nghị định 51-CP

Nghị định 51-CP ngày 23 tháng 06 năm 1994 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới huyện, xã thuộc tỉnh Đồng Nai:

Huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch

- Chia huyện Long Thành thành hai huyện: huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch

- Huyện Long Thành có 52.032 ha diện tích tự nhiên 162.169 nhân khẩu; có 16 đơn vị hành chính gồm các xã: Hòa Hưng, Phúc Tân, Tam An, Tam Phước, Long Đức, Lộc An, Long Phước, An Phước, Bình Sơn, Suối Trầu, Cẩm Đường, Bàu Cạn, Phước Thái, Tân Hiệp, Long An và thị trấn Long Thành.

- Huyện Nhơn Trạch có 40.146 ha diện tích tự nhiên 101.882 nhân khẩu; có 11 đơn vị hành chính gồm các xã: Phước Thiện, Phú Hội, Long Tân, Phú Thạnh, Đại Phước, Phú Hữu, Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Phước An, Long Thọ và Hiệp Phước.

Huyện Định Quán

- Chia xã Phú Hoa thành 3 xã: Phú Lợi, Phú Vinh, Phú Tân.

- Chuyển giao ấp 7 gồm 1.369 ha diện tích tự nhiên và 2851 nhân khẩu thuộc xã Phú Ngọc về xã Phú Túc quản lý.

- Chia xã Phú Túc thành 3 xã mới: La Ngà, Túc Trung, Phú Túc.

- Chia xã Phú Ngọc thành 3 xã: xã Thanh Sơn, xã Ngọc Định, xã Phú Ngọc.

- Chuyển giao 2.712 ha diện tích tự nhiên và 6.434 nhân khẩu của thị trấn Định Quán về xã Phú Ngọc quản lý.

- Chia thị trấn Định Quán thành 2 đơn vị hành chính: xã Gia Canh và thị trấn Định Quán.

Năm 1994: Nghị định 109-CP

Nghị định 109-CP ngày 29 tháng 08 năm 1994 của Chính phủ tái lập huyện Vĩnh Cửu; điều chỉnh địa giới một số xã phường thuộc thành phố Biên Hòa và các huyện Long Khánh, Long Thành, Nhơn Trạch, Tân Phú, Thống Nhất, Xuân Lộc:

Thị xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu

- Giải thể thị xã Vĩnh An để thành lập lại huyện Vĩnh Cửu.
- Giải thể phường Cây Gáo để thành lập thị trấn Vĩnh An.
- Giải thể phường Trị An để thành lập xã Trị An.

Thành phố Biên Hòa

- Thành lập phường Bửu Long trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Tân Bửu.
- Thành lập phường Long Bình Tân trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Long Bình Tân.
- Thành lập phường Long Bình trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của phường Tam Hòa.
- Thành lập phường Tân Hiệp trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của các phường Tam Hòa, Tam Hiệp và Tân Tiến.
- Thành lập phường Trảng Dài trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của phường Tân Phong.

Huyện Long Khánh

- Chia xã Xuân Bình thành 2 xã: Bảo Bình và Xuân Thiệu.
- Chia xã Xuân Vinh thành 2 xã: Bảo Quang và Bảo Vinh.
- Chia xã Xuân Tân thành 4 xã: Xuân Tân, Xuân Thanh, Long Giao, Nhân Nghĩa.
- Chia xã Xuân Lập thành 4 xã: Xuân Lập, Bàu Sen, Suối Tre, Xuân Thạnh.
- Chia xã Xuân Quế thành 2 xã: Xuân Quế và Sông Nhạn.
- Chia xã Xuân Đường thành 2 xã: Xuân Đường và Thừa Đức.

Huyện Long Thành

- Chia xã Bình Sơn thành 2 xã: Bình An và Bình Sơn.
- Chia xã Phước Thái thành 2 xã: Phước Bình và Phước Thái.
- Chia lại xã Hòa Hưng thành 2 xã cũ: An Hòa và Long Hưng.

Huyện Nhơn Trạch

Chia xã Phú Hữu thành 2 xã: Phú Hữu và Phú Đông.

Huyện Tân Phú

- Chia xã Phú Bình thành 2 xã: Phú Bình và Phú Sơn. Chia xã Phú Lộc thành 2 xã: Phú Lộc và Phú Thịnh.

- Chia xã Phú Bình(mới) thành 2 xã: Phú Bình và Phú Trung.

- Chia xã Phú Thanh thành 2 xã: Phú Thành và Phú Xuân.

- Chia xã Phú Lập thành 2 xã: Phú Xuân và Tà Lại.

- Chia xã Phú Lâm thành 2 xã: Phú Lâm và Thanh Sơn.

Huyện Thống Nhất

- Chia xã Trảng Bom 1 thành thị trấn Trảng Bom và xã Sông Trầu.

- Chia xã Trảng Bom 2 thành 3 xã: Đông Hòa, Tây Hòa và Trung Hòa.

- Chia xã Hố Nai 4 thành 3 xã: Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến.

- Chia xã Hưng Lộc thành 2 xã: Hưng Lộc và Hưng Thịnh.

- Chia xã Bàu Hàm 1 thành 2 xã: Bàu Hàm và Sông Thao.

Huyện Xuân Lộc

- Thành lập thị trấn Gia Ray trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số của các xã Xuân Trường và Xuân Tâm.

- Chia xã Xuân Bảo thành 2 xã: Xuân Bảo và Bảo Bình.

- Chia xã Xuân Định thành 2 xã: Xuân Định và Bảo Hòa.

- Chia xã Sông Ray thành 3 xã: Sông Ray, Lâm San, Lang Minh.

- Chia xã Xuân Trường thành 2 xã: Xuân Trường và Suối Cao.

- Chia xã Xuân Hiệp thành 2 xã: Xuân Hiệp và Suối Cát.

Năm 1996

Năm 1996, đổi tên phường Hố Nai 1 thuộc thành phố Biên Hòa thành phường Hố Nai.

Năm 2003: Nghị định 25/2003/NĐ-CP

Huyện Vĩnh Cửu

- Nghị định 25/2003/NĐ-C ngày 13 tháng 03 năm 2003 của Chính phủ về việc thành lập xã Mã Đà, Hiếu Liêm thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai:

- Thành lập xã Mã Đà trên cơ sở 40.078,47 ha diện tích tự nhiên và 6.595 nhân khẩu của thị trấn Vĩnh An.

- Thành lập xã Hiếu Liêm trên cơ sở 21.379,55 ha diện tích tự nhiên và 3.870 nhân khẩu của xã Trị An.

Năm 2003: Nghị định 97/2003/NĐ-CP

Nghị định 97/2003/NĐ- ngày 21 tháng 08 năm 2003 của Chính phủ về việc thành lập thị xã Long Khánh và các phường, xã trực thuộc, thành lập các huyện Cẩm Mỹ, Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Thị xã Long Khánh

- Thành lập thị xã Long Khánh trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của thị trấn Xuân Lộc và các xã: Xuân Lập, Bàu Sen, Suối Tre, Bình Lộc, Bảo Quang, Bảo Vinh, Xuân Tân, Xuân Thanh của huyện Long Khánh.

- Thị xã Long Khánh có 19.408,4 ha diện tích tự nhiên và 130.593 nhân khẩu.

- Thành lập các phường, xã thuộc thị xã Long Khánh:

- Thành lập phường Xuân Trung trên cơ sở 100 ha diện tích tự nhiên và 10.715 nhân khẩu của thị trấn Xuân Lộc.

- Thành lập phường Xuân Thanh trên cơ sở 135,5 ha diện tích tự nhiên và 7.344 nhân khẩu của thị trấn Xuân Lộc.

- Thành lập phường Xuân An trên cơ sở 139 ha diện tích tự nhiên và 12.733 nhân khẩu của thị trấn Xuân Lộc.

- Thành lập phường Xuân Bình trên cơ sở 122,5 ha diện tích tự nhiên và 9.252 nhân khẩu của thị trấn Xuân Lộc.

- Thành lập phường Xuân Hòa trên cơ sở 171,4 ha diện tích tự nhiên và 6.652 nhân khẩu của thị trấn Xuân Lộc.

- Thành lập phường Phú Bình trên cơ sở 149 ha diện tích tự nhiên và 5.230 nhân khẩu của thị trấn Xuân Lộc.

- Thành lập xã Bàu Trâm trên cơ sở 1.432 ha diện tích tự nhiên và 5.296 nhân khẩu của thị trấn Xuân Lộc.

- Đổi tên xã Xuân Thanh thành xã Hàng Gòn.

- Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập thị xã Long Khánh và các phường, xã trực thuộc, thị xã Long Khánh có 19.408,4 ha diện tích tự nhiên và 130.593 nhân khẩu, có 15 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các phường: Xuân Trung, Xuân Thanh, Xuân An, Xuân Bình, Xuân Hòa, Phú Bình và các xã: Xuân Lập, Bàu Sen, Suối Tre, Bình Lộc, Bảo Quang, Bảo Vinh, Xuân Tân, Hàng Gòn, Bàu Trâm.

- Địa giới hành chính thị xã Long Khánh: Đông giáp huyện Xuân Lộc; Tây giáp huyện Thống Nhất; Nam giáp huyện Cẩm Mỹ; Bắc giáp các huyện Thống Nhất, Định Quán, Xuân Lộc.

Huyện Long Khánh, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ

- Thành lập huyện Cẩm Mỹ trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã: Xuân Quế, Sông Nhạn, Xuân Đường, Thừa Đức, Nhân Nghĩa, Long Giao, Xuân Mỹ của huyện Long Khánh; toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã: Xuân Bảo, Bảo Bình, Xuân Đông, Xuân Tây, Sông Ray, Lâm San của huyện Xuân Lộc.

- Huyện Cẩm Mỹ có 46.796 ha diện tích tự nhiên và 146.572 nhân khẩu, có 13 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã: Xuân Quế, Sông Nhạn, Xuân Đường, Thừa Đức, Nhân Nghĩa, Long Giao, Xuân Mỹ, Xuân Bảo, Bảo Bình, Xuân Đông, Xuân Tây, Sông Ray, Lâm San.

- Địa giới hành chính huyện Cẩm Mỹ: Đông giáp huyện Xuân Lộc; Tây giáp các huyện Thống Nhất, Long Thành; Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Bắc giáp thị xã Long Khánh và huyện Xuân Lộc.

Huyện Thống Nhất, huyện Trảng Bom

- Thành lập huyện Trảng Bom trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã: Hồ Nai III, Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến, Sông Trầu, Tây Hòa, Trung Hòa, Đông Hòa, Hưng Thịnh, Sông Thao, Bàu Hàm, Giang Điền, An Viễn, Đồi 61, Cây Gáo, Thanh Bình và thị trấn Trảng Bom của huyện Thống Nhất.

- Huyện Trảng Bom có 32.612 ha diện tích tự nhiên và 177.407 nhân khẩu, có 17 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã Hồ Nai III, Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến, Sông Trầu, Tây Hòa, Trung Hòa, Đông Hòa, Hưng Thịnh, Sông Thao, Bàu Hàm, Giang Điền, An Viễn, Đồi 61, Cây Gáo, Thanh Bình và thị trấn Trảng Bom.

- Địa giới hành chính huyện Trảng Bom: Đông giáp huyện Thống Nhất; Tây giáp thành phố Biên Hòa; Nam giáp huyện Long Thành; Bắc giáp các huyện Vĩnh Cửu, Định Quán.

Huyện Thống Nhất, huyện Long Khánh

- Sáp nhập 2 xã Xuân Thiện, Xuân Thạnh còn lại của huyện Long Khánh vào huyện Thống Nhất.

- Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập thị xã Long Khánh và các phường, xã trực thuộc và các huyện Cẩm Mỹ, Trảng Bom:

- Huyện Thống Nhất có 24.720 ha diện tích tự nhiên và 142.606 nhân khẩu, có 10 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã: Xuân Thiện, Xuân Thạnh, Bàu Hàm II, Gia Tân I, Gia Tân II, Gia Tân III, Gia Kiệm, Quang Trung, Lộ 25, Hưng Lộc.

- Huyện Xuân Lộc còn lại 72.679 ha diện tích tự nhiên và 194.965 nhân khẩu, có 15 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã: Xuân Hòa, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Xuân Trường, Xuân Thành, Xuân Hiệp, Xuân Định, Xuân Phú, Xuân Thọ, Xuân Bắc, Suối Cao, Suối Cát, Bảo Hòa, Lang Minh và thị trấn Gia Ray.

- Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính trực thuộc gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và 9 huyện: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ và Trảng Bom.

Năm 2010: Nghị quyết số 05/NQ-CP

Thành phố Biên Hòa, huyện Long Thành

Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Long Thành để mở rộng địa giới hành chính thành phố Biên Hòa thuộc tỉnh Đồng Nai:

- Điều chỉnh toàn bộ 10.899,27 ha diện tích tự nhiên và 92.796 nhân khẩu của các xã: An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước của huyện Long Thành về thành phố Biên Hòa quản lý.

- Thành phố Biên Hòa có 26.407,84 ha diện tích tự nhiên và 784.398 nhân khẩu, có 30 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm các phường: An Bình, Bửu Hòa, Bình Đa, Bửu Long, Hòa Bình, Hố Nai, Long Bình, Long Bình Tân, Quyết Thắng, Quang Vinh, Thanh Bình, Tam Hiệp, Tam Hòa, Tân Biên, Thống Nhất, Tân Hiệp, Tân Hòa, Tân Mai, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Vạn, Trảng Dài, Trung Dũng và 07 xã: Hóa An, Hiệp Hòa, Tân Hạnh, An Hòa, Long Hưng, Phước Tân và Tam Phước.

- Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện Long Thành còn lại 43.101,02 ha diện tích tự nhiên và 188.594 nhân khẩu, có 15 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thị trấn Long Thành và các xã: Bàu Cạn, Bình An, Bình Sơn, Cẩm Đường, Long Đức, An Phước, Long Phước, Lộc An, Long An, Phước Bình, Phước Thái, Suối Trầu, Tân Hiệp, Tam An.

Năm 2015: Quyết định 2488/QĐ-TTg

Quyết định 2488/QĐ-TT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Biên Hòa là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Đồng Nai

Ngày 26/9/2016, HĐND tỉnh Đồng Nai tổ chức kỳ họp bất thường, thông qua các nghị quyết điều chỉnh địa giới hành chính một số xã ở các huyện, thị xã của tỉnh. Trong đó, HĐND thông qua nghị quyết thành lập TP Long Khánh (Đồng Nai) trên cơ sở thị xã Long Khánh hiện tại.

Thành lập thị trấn Dầu Giây (huyện Thống Nhất) trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính các xã Hưng Lộc, Bàu Hàm 2, Xuân Thạnh, Quang Trung (huyện Thống Nhất). Ở kỳ họp này, HĐND tỉnh Đồng Nai thông qua nghị quyết điều chỉnh địa giới 6 xã của huyện Long Thành để phục vụ việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành (Sân bay quốc tế Long Thành).

Trong khi đó, các xã An Hòa, Hiệp Hòa, Hóa An, Phước Tân, Tam Phước của TP Biên Hòa sẽ được lập thành các phường trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số. Huyện Nhơn Trạch sẽ có thị trấn Hiệp Phước trên cơ sở xã Hiệp Phước.

Ông Nguyễn Phú Cường, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai, Chủ tịch HĐND Đồng Nai, giao UBND tỉnh Đồng Nai hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục để báo cáo cơ quan có thẩm quyền thẩm định và quyết định.

Đồng Nai có TP Biên Hòa được Thủ tướng Chính phủ công nhận là đô thị loại 1 vào năm 2016. Thành phố này có diện tích khoảng 26.350 ha với dân số hơn một triệu người.

Tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 2 thành phố và 9 huyện, chia làm 136 xã, 29 phường và 6 thị trấn.

Như vậy từ năm 1976 đến nay 2018 năm hình đơn vị hành chính của Đồng Nai có sự thay đổi theo từng thời kỳ phù hợp với hoàn cảnh của lịch sử dân tộc. Nhân dân Đồng Nai luôn luôn đoàn kết, phấn đấu xây dựng phát triển về mọi mặt kinh tế, văn hóa, xã hội để góp phần cho tỉnh nhà cũng như cho dân tộc Việt Nam ngày một giàu đẹp.

Đơn vị hành chính cấp Huyện	Thành phố Biên Hòa	Thành phố Long Khánh	Huyện Trảng Bom	Huyện Long Thành	Huyện Nhơn Trạch	Huyện Vĩnh Cửu	Huyện Xuân Lộc	Huyện Định Quán	Huyện Tân Phú	Huyện Thống Nhất	Huyện Cẩm Mỹ
Số đơn vị hành chính	23 phường, 7 xã	6 phường, 9 xã	16 xã, 1 thị trấn	14 xã, 1 thị trấn	12 xã	11 xã, 1 thị trấn	14 xã, 1 thị trấn	13 xã, 1 thị trấn	17 xã, 1 thị trấn	10 xã	13 xã
Năm độ dân số	4.186	1.014	2.044	1.366	1.104	337	318	214	214	660	331
Năm thành	1976	2003	2003	1994	1994	1994	1991	1991	1991	2003	2003

lập												
Dân số (người)	1.104.974	200.000	666.439	588.594	453.372	367.377	231.000	207.324	165.528	162.900	155.000	
Diện tích (km²)	264,08	197,2	326,11	431,01	410,8	1.092,01	725,84	966,5	774	247,19	467,95	



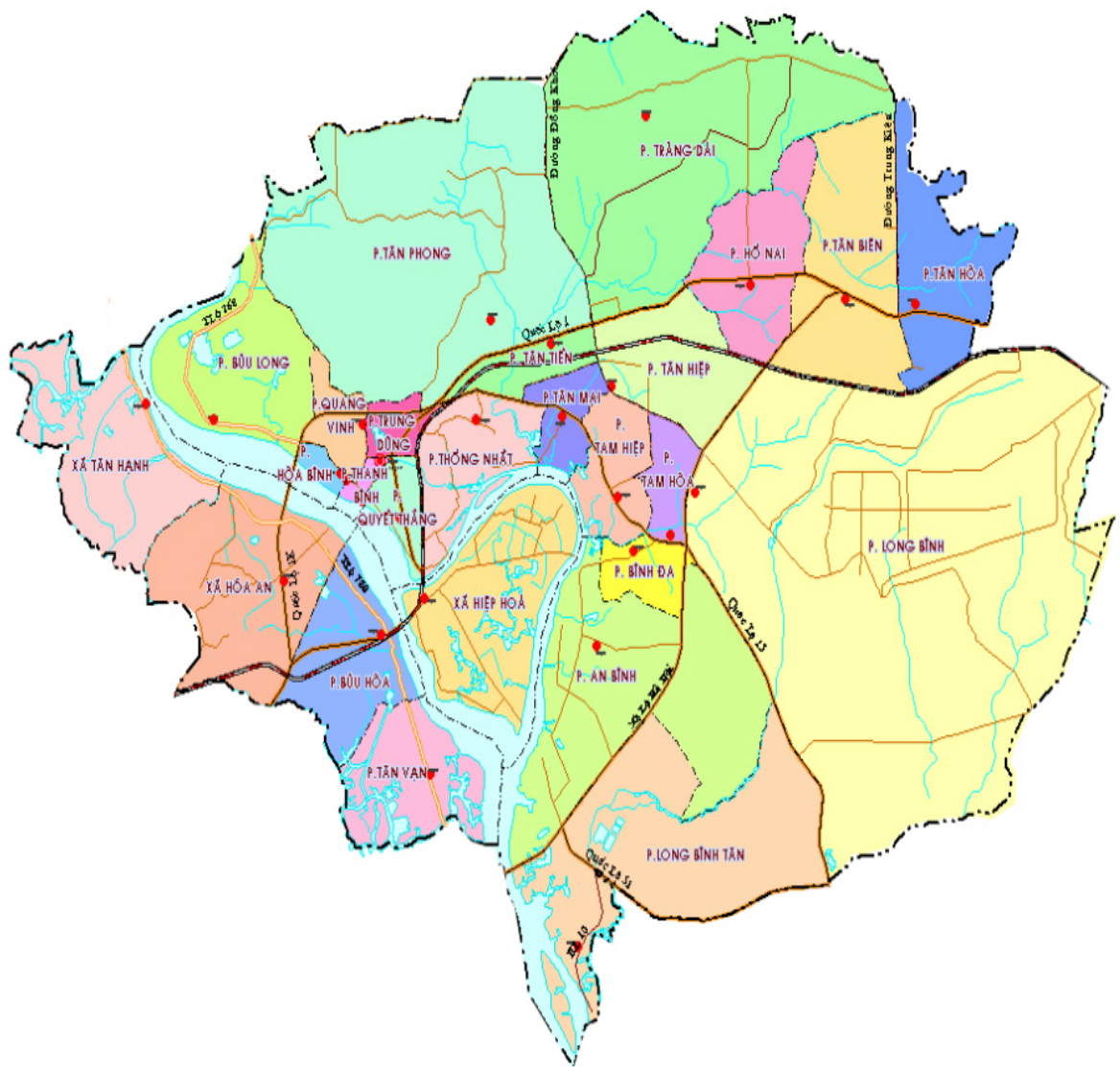
Lược đồ hành chính tỉnh Đồng Nai hiện nay



Một góc thị xã Long Khánh (Đồng Nai). Ảnh: *Hoàng Long*.



Thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai



BẢN ĐỒ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-ĐỒNG NAI



Bản đồ Đồng Nai trong đất nước Việt Nam

2. Tên gọi Đồng Nai có nguồn gốc như sau:

Về nguồn gốc của địa danh “Đồng Nai” đến nay vẫn không rõ xuất xứ khi nào nhưng từ khi tập đoàn người Việt di dân vào khai phá Đồng Nai được khái niệm cả một vùng rộng lớn miền Đông Nam bộ, có khi cả Nam bộ ngày nay.

Dân gian quen giải thích do *cánh đồng có nhiều nai* (cùng cấu trúc gọi tên các địa danh: *Hố Nai, Đồng Hươu, Rạch Nai, Bàu Nai, Mũi Nai...*). Cũng có ý kiến cho rằng *Đồng* trong *Đồng Nai* là cách gọi biến âm từ chữ *Đờng* trong *Đạ Đờng* (Sông Cái) của người Mạ; bởi vì còn có rất nhiều tên gọi khác bắt nguồn từ chữ *Đồng* (*Đờng?*) mà không phải là cánh *Đồng*: *Đồng Tranh, Đồng Môn, Đồng Tràm, Đồng Trường...*

TS Lê Trung Hoa cho rằng địa danh *Đồng Nai* xuất hiện lần đầu tiên bằng chữ quốc ngữ năm 1747 trong một *báo cáo* về giáo dân Nam bộ của Launay gửi cho giáo hội Công giáo; lúc đó âm “*Ông*” được ký hiệu là “*ou*” hoặc “*oũ*”. Theo tài liệu của Trương Bá Cần, trong một bản tường trình của thừa sai Gouge viết năm 1701, thân sinh của linh mục Laurent cùng với một số người trong gia đình đã đến vùng Dou-Nai (*Đồng Nai*) khai phá, cày cấy từ 29 năm trước. Thư của giám mục phó Labbé gửi Ban giám đốc Chứng viện Truyền giáo nước ngoài đề ngày 24.7.1710, có đoạn: “*Có một miền gọi là Dou-Nai (Đồng Nai) ở giữa Cao Miên và Chiêm Thành đây là một vùng đồng bằng, đất tốt, khá rộng và dài, rừng rậm, cây to, nơi mà người Đàng Trong đến lập nghiệp từ 35 hay 40 năm nay*”. Như vậy, từ đầu thế kỷ XVIII, địa danh *Đồng Nai* đã được các nhà truyền giáo ghi chép từ tên gọi dân gian đã phổ biến trước đó nhiều chục năm. Về sau, địa danh *Đồng Nai* được khẳng định vừa bằng chữ Nôm, vừa bằng chữ quốc ngữ trong tự điển *Ditionarium Anamitico - Latium* (Tự điển An Nam - La tinh) của Pigneau de Béhaine ấn hành năm 1772. Tên gọi *Đồng Nai* trong tác phẩm của các tác giả Lê Quý Đôn (*Phủ biên tạp lục, 1776*) Trịnh Hoài Đức (*Gia Định thành thông chí, 1820*); Huỳnh Tịnh Của (*Đại Nam Quốc âm tự vị, 1895 - 1896*)... được ký hiệu bằng chữ Nôm hoặc Hán làm xuất hiện nhiều tên gọi khác: *Lộc Dã, Lộc Động, Nông Nại*. *Lộc Dã* (cánh đồng có nhiều Nai) là cách phiên nghĩa sang chữ Hán. *Lộc Động* có lẽ vừa phiên nghĩa, vừa chú âm (*Lộc* dịch chữ *Nai*; *Động* chú âm chữ *Đồng*). *Nông Nại* chắc là trại âm từ *Đồng Nai* mà theo Trịnh Hoài Đức khi đi sứ sang Thanh quốc thấy người Hoa dùng chữ *Nông Nại Đại Phố* để gọi Cù Lao Phố.

Trong dân gian, không rõ tự bao giờ tên gọi *Đồng Nai* đã được dùng để chỉ vùng đất khai phá trù phú, rộng lớn, không phân định rõ địa giới, gắn liền với con sông cùng tên gọi ở phương Nam. Khi nói về sản vật, Trịnh Hoài Đức đã sử dụng phương ngôn dân gian trong *Gia Định Thành thông chí*: *Cơm Nai Rịa; Cá Rí Rang* (cơm gạo thì ở *Đồng Nai, Bà Rịa*; cá ngon thì ở Phan Rí, Phan Rang). Người địa phương tự hào: *Gạo Cần Đước nước Đồng Nai; Nhất Đồng Nai nhì Hai huyện*. Khi nói đến sự lịch lãm, từng trải:

Làm trai cho đáng nên trai

Phú Xuân cũng trải Đồng Nai cũng từng

Khi thê nguyên, người ta dẫn ra những biểu tượng bền vững:

Bao giờ cạn nước Đồng Nai

Nát chùa Thiên Mục mới phai lời nguyên.

Vùng đất Đồng Nai mênh mông, trù phú này, có hấp lực thú vị đối với người phương xa:

Nhà Bè nước chảy phân hai

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.

Đồng Nai gạo trắng nước trong

Ai đi đến đó lòng không muốn về.

Lại có những câu hát vui:

Đồn rằng con gái Phú Yên

Đồng Nai đi cưới một thiên cá mè

Chẳng tin giờ quả ra coi

Rau răm ở dưới cá mè ở trên

Nồi đồng thì úp vung đồng

Con gái Xứ Bắc lấy chồng Đồng Nai.

Cứ theo tâm thức dân gian và miêu tả của Lê Quý Đôn, Đồng Nai là xứ sở trước đây bao gồm cả Nam bộ, từ Cửa Đại, cửa Tiểu, Soài Rạp đến thượng nguồn sông Băng Bột (thuộc Tây Ninh ngày nay).

Đến năm 1976, khi thống nhất đất nước, Đồng Nai được đặt tên cho đơn vị hành chính cấp tỉnh: Tỉnh Đồng Nai;

Sau nhiều lần thay đổi địa giới hành chính, tên gọi hiện nay Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với diện tích tự nhiên là 5.907,2 km². Đồng Nai có tọa độ từ 10°30'03" đến 11°34'57" B và từ 106°45'30" đến 107°35'00" Đ. Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và Bình Dương, Tây bắc giáp tỉnh Bình Phước. Đồng Nai có vị trí hết sức quan trọng, là cửa ngõ phía đông Thành phố Hồ Chí Minh và là một trung tâm kinh tế lớn của cả phía Nam, nối Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ.

Câu 2: Cho biết những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chống Mỹ (1954-1975). Trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai; Anh (chị) sẽ làm gì để phát huy truyền thống cách mạng ấy?

Ba mươi năm (1945-1975) cùng với nhân dân cả nước nhân dân Biên Hòa-Đồng Nai dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chi viện to lớn của hậu phương miền Bắc đã đoàn kết, kiên cường đứng lên chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ theo lời kêu gọi của Bác Hồ “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” , “ không có gì quý hơn độc lập tự do”. Trong khoảng thời gian này nhiều căn cứ kháng chiến được ra đời như “ Chiến khu Đ”, “Chiến khu rừng sác” với nhiều trận đánh nổi tiếng như: Trận La Ngà, tổng kho Long Bình, chiến thắng Xuân Lộc ...đã đi vào lịch sử địa phương và cả nước như những bản anh hùng ca.

Do vị trí chiến lược quan trọng Đồng Nai là một tỉnh nằm trong trục tam giác có ý nghĩa chiến lược Sài Gòn – Biên Hòa – Vũng Tàu, là cửa ngõ phía đông và đông nam thành phố Hồ Chí Minh nên suốt 30 năm chiến tranh (1945 – 1975), chiến trường Đồng Nai là nơi diễn ra các cuộc đấu tranh quyết liệt giữa ta và địch.

Thực hiện đường lối chính trị, đường lối quân sự và sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam , sự chỉ đạo sâu sát của Trung ương Cục, Quân ủy Miền và của Khu ủy; được sự chi viện của Trung ương, sự giúp đỡ và phối hợp chiến đấu của các tỉnh bạn, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai đã phát huy cao độ lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng vừa chiến đấu, vừa xây dựng, phát triển lực lượng, liên tục tiến công địch, góp phần đánh bại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giải phóng cả phóng tỉnh nhà, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chúng ta vô cùng trân trọng và tự hào về sự công hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, đồng chí trong thời gian qua.

****Những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chống Mỹ (1954-1975)***

+ Chiến công trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

Cách mạng tháng Tám 1945 là một sự kiện vĩ đại, mở ra một bước ngoặt cho cách mạng Việt Nam. Từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, Việt Nam thành một nước độc lập, nhân dân ta từ một cuộc sống nô lệ trở thành người dân tự do.

Với nhân dân Biên Hòa, không khí độc lập, tự do cuốn hút mọi người dân từ nông thôn, thị xã, đồn điền vào việc xây dựng cuộc sống mới.

Cách mạng thành công, nhưng nước Việt Nam gặp muôn vàn khó khăn: thiên tai, hàng triệu người chết vì đói, rét ở miền Bắc, thực dân Pháp lăm le trở lại xâm chiếm nước ta. Hai mươi vạn quân Tưởng Giới Thạch đổ vào miền Bắc, núp dưới chiêu bài quân Đồng minh giải giáp quân Nhật để thực hiện âm mưu xâm lược.

Tại Nam bộ, thực dân Pháp liên tục gây hấn và khiêu khích. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, giữa lúc nhân dân Sài Gòn và các tỉnh hợp mít – tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp xả súng bắn chết 47 người và nhiều người khác bị thương.

Ngày 12 tháng 9 năm 1945, Grê – xi (Gracey) tư lệnh sư đoàn 20 quân Hoàng gia Anh đưa một lữ đoàn vào Sài Gòn, núp theo sau là đại đội thuộc trung đoàn kỵ binh thuộc địa Pháp (5e RIC). Grê – xi đã ra lệnh trang bị vũ khí cho 1.400 tù binh Pháp (bị Nhật giam giữ trước đây) và 500 Pháp kiều để chuẩn bị đánh úp Sài Gòn.

Đêm 22 rạng 23 tháng 9, thực dân Pháp nổ súng tiến công Sài Gòn mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa. Tin thực dân Pháp xâm lược ở Sài Gòn làm nhân dân Biên Hòa sục sôi ý chí chiến đấu “thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”. Tình hình cũng đặt ra cho lãnh đạo tỉnh phải gấp rút xây dựng bộ máy, sẵn sàng lãnh đạo nhân dân chiến đấu chống xâm lược.

Trận tấn công đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa:

Cuối tháng 10 năm 1945, được tăng viện, thực dân Pháp phá vỡ vòng vây quanh Sài Gòn.

Trước tình hình đó, Ủy ban Nhân dân tỉnh Biên Hòa quyết định chuyển các cơ quan lãnh đạo về Tân Uyên và các vùng ven thị xã như Bình Đa, Hồ Cạn, xây dựng các căn cứ du kích để chiến đấu lâu dài đồng thời hạ lệnh ”tiêu thổ kháng chiến”, thực hiện “vườn không nhà trống”, bất hợp tác với giặc Pháp. Công nhân cao su chặt phá cây, đốt lương thực, tháo gỡ máy móc ra khu kháng chiến, công nhân nhà máy gỗ BIF đã đốt các kho gỗ ván sàn, gỗ thành phẩm, tháo máy tiện, máy bào và nhiều thiết bị chuyển về Bình Đa. Nhân dân vùng ven thị xã được Mặt trận Việt Minh vận động tự phóng lửa đốt nhà và một số đình chùa quyết không để giặc Pháp chiếm làm đồn bót.

Ngày 25 tháng 10 năm 1945, quân Anh - Ấn có xe thiết giáp mở đường vượt cầu Gành đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa rồi giao lại cho thực dân Pháp. Chúng rải quân chiếm giữ các đầu mối giao thông, các cơ quan, công sở, xây dựng bộ máy tay sai ở thị xã.

Đứng chân ở Biên Hòa lúc bấy giờ gồm có nhiều lực lượng vũ trang: Vệ Quốc đoàn Viên Hòa ở Tân Uyên, Vệ Quốc đoàn Châu Thành ở Thiện Tân, Vệ Quốc đoàn Long Thành, đội Xung phong cảm tử của Quốc gia Tự vệ cuộc ở Bình Thảo... Lực lượng vũ trang từ Sài Gòn rút về Biên Hòa gồm có Liên chi 2 – 3 Bình Xuyên ở Rừng Sác, Chi đội I Nam tiến, cùng lực lượng vũ trang Liên hiệp công đoàn ở An Lộc (Xuân Lộc) ... Mối quan hệ giữa các lực lượng này chưa chặt chẽ và thiếu chỉ huy thống nhất.

Sau Hội nghị Xứ ủy lâm thời Nam bộ ở Thiên Hộ (Mỹ Tho 25 – 10 – 1945), ngày 10 – 12, hội nghị Xứ ủy lâm thời Nam bộ mở rộng tổ chức ở Bình Hòa Nam (Chợ Lớn) kiểm điểm tình hình và bàn công tác tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy.

Chấp hành lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hội nghị chia Nam bộ làm ba chiến khu 7, 8, 9. Khu 7 do Nguyễn Bình làm khu trưởng xây dựng căn cứ ở Lạc An (Tân Uyên).

Từ cuối tháng 10 năm 1945, khi đại bộ phận trại du kích Vĩnh Cửu chuyển về Tân Uyên, ở Biên Hòa, thực dân Pháp chỉ làm chủ được khu vực xã Bình Trước – trung tâm tỉnh lỵ. Các ấp ven như Lân Thành, Gò Me, Vĩnh Thị, Núi Đất..., các xã vùng ven như Tân Vạn, Hiệp Hòa, Tam Hiệp... cán bộ, các đội tự vệ vẫn trụ lại hoạt động, đột nhập nội ô diệt tề trừ gian.

Tư lệnh khu 7 quyết định huy động lực lượng tổ chức trận tập kích vào tỉnh lỵ Biên Hòa. Phân đội 4, phân đội 5 (Vệ Quốc đoàn Biên Hòa) được lệnh cải trang đột nhập nội ô nghiên cứu, vẽ sơ đồ các địa điểm đóng quân của địch, lên phương án tấn công. Lực lượng Vệ Quốc đoàn Biên Hòa (bộ đội Huỳnh Văn Nghệ), Vệ Quốc đoàn quận Châu Thành (bộ đội Lê Văn Ngọc), Liên quân Hóc Môn – Bà Điểm (bộ đội Tô Ký, Đào Sơn Tây), liên chi 2 – 3 bộ đội Bình Xuyên (Dương Văn Dương) cùng Tư lệnh khu 7 bàn bạc thông qua phương án và kế hoạch hợp đồng tác chiến.

Cuối tháng 12 năm 1945, các lực lượng vũ trang từ Tân Uyên, Gia Định, Rừng Sác bí mật điều quân áp sát tỉnh lỵ Biên Hòa trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa...

Đêm 1 rạng sáng ngày 2 tháng 1 năm 1946, các lực lượng vũ trang đồng loạt tấn công vào thành Sắn Đá, các công sở như Tòa bố, bưu điện, nhà ga, đốt cháy nhà thông tin và các đồn địch ở đầu cầu Gành... Thực dân Pháp hoàn toàn bất ngờ. Bọn Việt gian tay sai vừa mới ra mặt đều trốn chạy.

Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu cụ thể nào, nhưng trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ lại gây một tiếng vang chính trị rất lớn. “Tiếng súng Biên Hòa” đập tan lời tuyên truyền huênh hoang của thực dân là Việt Minh đã bị tiêu diệt. Thu hút nhân dân vùng địch tạm chiếm, hội tụ về Biên Hòa, chiến khu Đ để tham gia kháng chiến.

- Các trận đánh giao thông

+ Đánh đường sắt:

Tháng 12 – 1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Trên chiến trường miền Đông Nam bộ, do phải mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, thực dân Pháp phải rút bỏ bớt nhiều đồn bót đóng sâu trong vùng căn cứ của ta, tăng cường lực lượng để tăng viện cho chiến trường miền Bắc.

Ban thường vụ trung ương Đảng chỉ đạo cho Xứ ủy Nam bộ “không để cho giặc Pháp lấy của cướp được ở Nam bộ ra đánh Trung và Bắc bộ”. Biên Hòa nằm trên các tuyến đường chiến lược quan trọng như quốc lộ 20, quốc lộ 1, đường sắt

xuyên Việt, là những đường giao thông vận chuyển quân sự của địch từ Nam ra Bắc. Ban chỉ huy chi đội 10 chủ trương mở một loạt trận đánh giao thông để tiêu diệt tiêu hao sinh lực địch. Từng trung đội, đại đội của chi đội 10 tổ chức một số trận đánh giao thông trên liên tỉnh lộ số 2, liên tỉnh lộ 24, quốc lộ 15, đồng thời tiến công một số đồn bót lẻ của địch như Cây Gáo, Bình Lộc (1 - 1947), bót La Ngà (6 - 1947). Chi đội 10 chỉ đạo đưa các trung đội về cơ sở phối hợp cùng các Ban công tác liên thôn củng cố, dẫn dắt các đội du kích xã và mặt khác để lại một số trung đội ở địa bàn xung yếu cùng du kích giữ căn cứ. Chi đội chủ trương vừa tập trung tác chiến vừa huấn luyện, lấy thực tế chiến đấu để xây dựng và huấn luyện chiến sĩ. Khắc phục điểm yếu về vũ khí, ban chỉ huy chủ trương chọn mục tiêu tiến công là các đoàn xe lửa vì địch chuyển quân, thiết bị ra Bắc chủ yếu phải dùng đường sắt, tuyến phục kích tương đối ngắn, thông tin liên lạc của địch còn hạn chế.

Về vũ khí, chi đội chỉ có loại mìn tạo từ đầu đạn pháo 75 ly, nên đề ra cách đánh là kết hợp dùng mìn chế tạo từ đầu đạn pháo 75 ly, với việc tháo ốc vít các thanh tà vẹt với đường ray, chờ khi xe lửa địch đến thì nổ mìn đồng thời cột dây kéo mạnh đường ray làm đầu xe lửa trật bánh sắt phải dừng lại để bộ đội xung phong.

Tháng 5 – 1947, Ban chỉ huy chi đội 10 tập trung cả ba đại đội (thiếu) gồm 6 trung đội tổ chức đánh đường sắt tại Xuân Lộc. Từ tháng 5 đến tháng 7 – 1947, chi đội đã đánh 4 trận. Hai trận mở đầu ở Bảo Chánh 1 (19 – 5- 1947) và Trảng Táo (6 - 1947) cách đánh là dùng mìn 75 ly kết hợp dây kéo. Trận Bảo Chánh 1, đầu xe lửa của địch bị trật bánh khỏi đường ray phải dừng lại, quân ta xung phong diệt địch thu nhiều vũ khí. Trận Gia Huynh bộ đội ta men theo bìa rừng truy kích, diệt được wagông bọc thép, thu nhiều súng đạn.

Thực tế cho thấy cách đánh hai trận bằng mìn 75 ly kết hợp kéo dây hiệu quả đạt không cao.

Trận Bảo Chánh II (tháng 6 - 1947), quả mìn 50 kg do Binh công xưởng chế tạo được Ban chỉ huy chi đội đưa vào sử dụng. Theo kế hoạch, ta đánh vào đoàn tàu thứ hai (vì tin là đoàn tàu thứ nhất không dám quay trở lại ứng cứu). Một tình huống ngoài dự kiến xảy ra. Mỗi đoàn tàu, địch dùng đến hai đầu máy: một đầu máy kéo và một đầu máy đẩy. Do đó khi đầu máy đẩy xuất hiện, bộ đội lại tưởng là đầu đoàn tàu thứ hai, nổ mìn đánh. Đoàn tàu thứ hai cách 200 mét. Ban chỉ huy phải lệnh cho bộ đội vận động tấn công diệt wagông bọc thép và rút lui an toàn.

Ngày 11 – 7 – 1947, quân Pháp tổ chức càn quét quy mô lớn vào chỉ huy sở đóng tại chân núi Chứa Chan. Lực lượng ta đã di chuyển sang Bàu Cá. Tại đây, ban công tác liên thôn 11 chuẩn bị lương thực, địa bàn để chi đội đánh trận xe lửa thứ tư. Địa điểm phục kích là hai quả đồi cách nhau khoảng 300 mét, theo kế hoạch ta đánh vào cả hai đoàn tàu ở trận địa A và B. Lúc 12 giờ trưa ngày 14 – 7, đoàn tàu thứ nhất tiến vào trận địa, quả địa lôi 50 kg nổ phá hủy đầu máy, buộc tàu

địch phải dừng lại. Từ trên cao, bộ đội dùng lựu đạn, súng tấn công diệt 200 lính (cả bảo vệ đoàn tàu và lính tăng viện ra Bắc) thu 1 trung liên, 3 tiểu liên thompson, 11 tiểu liên, 40 súng trường, 5 súng ngắn, 3 máy vô tuyến và nhiều lương thực. Đoàn tàu thứ hai rút chạy về Trảng Bom.

Sau loạt trận đánh đường sắt ở Xuân Lộc, toàn chi đội rút về chiến khu Đ rút kinh nghiệm và bước vào đợt huấn luyện mới. Qua thực tế chiến đấu và tiếp thu lý thuyết mới về sản xuất mìn, binh công xưởng đã chế tạo ra loại mìn lôm - gọi là bazomine vừa gọn nhẹ nhưng có sức công phá lớn.

Tháng 12 năm 1947, theo chỉ đạo thống nhất từ Bộ Tư lệnh khu, tinh đội dân quân Biên Hòa thành lập do Cao Văn Bỏ (từ chi đội 10 bổ sung) làm Tỉnh đội trưởng, hai tỉnh đội phó là Nguyễn Văn Trị (thường vụ Tỉnh đoàn) và Nguyễn Thị Nguyệt (thường vụ Liên hiệp phụ nữ tỉnh). Nguyễn Văn Lai (tỉnh ủy viên) làm chính trị viên. Các Ban công tác liên thôn sát nhập theo địa bàn quận trở thành quân đội dân quân, các xã thành xã đội dân quân, bộ đội địa phương quận, du kích xã được hình thành trên cơ sở du kích của các ban công tác liên thôn trước đây. Chi đội 10 và hệ thống tinh đội dân quân, quân đội dân quân, du kích xã hợp thành tổ chức 3 thứ quân khá vững chắc ở Biên Hòa.

Sau đợt huấn luyện, ban chỉ huy chi đội 10 tổ chức một loạt trận đánh giao thông đường bộ từ quy mô nhỏ nâng dần lên đánh tập trung lớn. Tiêu biểu là hai trận đánh giao thông ở Phước Cang – Long Thành (tháng 11 – 1947) và trận giao thông Đồng Xoài (quốc lộ 14 ngày 19 – 12 – 1947).

+Trận La Ngà:

La Ngà là tên một dòng sông, một chi lưu của sông Đồng Nai, mà Pháp ghi tên trên bản đồ là Lagna, cũng là một địa danh đã đi vào lịch sử dân tộc và lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trên quốc lộ 20 đi Đà Lạt từ cầu La Ngà lên Định Quán, ngày 1-3-1948, chi đội 10 Biên Hòa đã đánh trận giao thông La Ngà thắng lợi.

Rút kinh nghiệm trận đánh Đồng Xoài, Ban chỉ huy chi đội 10 quyết định tổ chức trận đánh giao thông địch trên quốc lộ 20 (Sài Gòn đi Đà Lạt) đánh đoàn xe đưa cán bộ, sĩ quan cấp cao của thực dân dự hội nghị quân chính Đà Lạt cùng chính quyền bù nhìn Bảo Đại.

Từ tháng 1 – 1948, công tác chuẩn bị cho trận đánh giao thông trên quốc lộ 20 được triển khai, công tác vận động lương thực, trinh sát triển khai trước.

Ngày 22 – 2 -1948, công tác lương thực đã chuẩn bị xong, các kho dự trữ đảm bảo cho 1.000 quân ăn trong 7 – 10 ngày. Trinh sát chi đội nắm chắc quy luật các đoàn xe địch thường di chuyển trên quốc lộ 20. Địa điểm phục kích được chọn từ cầu La Ngà đến Định Quán (cây số 104 đến 113). Đảng ủy, Ban chỉ huy chi đội

10 mở cuộc họp hạ quyết tâm và thông qua kế hoạch tác chiến gồm các điểm chính:

Tiêu diệt gọn đoàn xe chở cán bộ quân sự địch đi dự hội nghị quân chính Đà Lạt vào đầu tháng 3 – 1948 trên quốc lộ 20.

Phải thắng cả quân sự, chính trị, dân vận và địch vận. Do đó phải giáo dục bộ đội giữ nghiêm kỷ luật chiến trường, thực hiện tốt chính sách tù hàng binh và công tác dân vận.

Phải bố trí lực lượng tốt ở căn cứ để chống càn vì sau trận đánh, địch thua đau sẽ trả đũa càn quét vào căn cứ kháng chiến, có kế hoạch bám sát địch, ngay từ đầu và đánh mạnh thị xã Biên Hòa, thị trấn Xuân Lộc... buộc địch phải bị động ứng phó.

Tập trung đủ lực lượng (kể cả Liên quân 17 của khu đang huấn luyện ở chi đội 10) gồm 9 trung đội: Đại đội A 2 trung đội, Đại đội B 2 trung đội, Đại đội C 1 trung đội, Liên quân 17 có 3 trung đội, quốc vệ đội Xuân lộc 1 trung đội.

Tuyến phục kích kéo dài 9 km (cây số 104 đến 113) chia làm 3 trận địa: A - trận địa chặn đầu, C - trận địa khóa đuôi, B - trận địa ở giữa. Khi chưa nghe lệnh tấn công bằng mìn ở trận địa A, không được hành động mà phải tuyệt đối giữ bí mật để đoàn xe địch lọt hết vào trận địa phục kích. Không được bắn vào các xe ca đi trong đoàn để không gây thiệt hại cho hành khách.

Cách đánh là bí mật, bất ngờ, xung phong mãnh liệt, giải quyết nhanh trận địa, tích cực truy kích địch kết hợp kêu gọi đầu hàng.

Kế hoạch khắc phục máy bay địch lên phản kích gồm hai điểm:

- Trung đội 5 của đại đội B phối hợp cùng dân quân quận Châu Thành và Xuân Lộc chặt cây cho ngã ra đường, tổ chức bắn tỉa quấy rối địch đoạn từ Hồ Nai lên Dầu Giây. Mục đích là làm đoàn xe địch phải chậm mất từ 2 – 3 giờ, buộc chúng vào trận địa khoảng 15 giờ trở đi vì giờ đó có nhiều sương mù, máy bay khó phát huy tác dụng. Mặc khác, hoạt động bắn tỉa, quấy rối... sẽ làm cho binh lính địch mệt mỏi, tinh thần căng thẳng, sức chiến đấu sẽ giảm.

- Đặt một tổ nghi binh ở phía đông đường 20 (ta phục kích ở phía tây). Khi có hiệu lệnh tấn công, tổ nghi binh sẽ đốt nhiều đốt nhiều đồng lúa dưới các tán cây rừng rậm rạp nhằm thu hút máy bay địch lên chi viện.

Trong quá trình chuẩn bị trận đánh, Huỳnh Văn Nghệ được đề bạt làm Khu bộ phó khu 7, nhưng vẫn kiêm chi đội trưởng chi đội 10 Biên Hòa. Đồng chí Nguyễn Văn Lung – chi đội phó trực tiếp chỉ huy tổ chức trận đánh giao thông.

Ngày 26 tháng 2 năm 1948, đơn vị hành quân bí mật từ chiến khu Đ về trận địa tây quốc lộ 20 cách căn cứ 80 km. Ngày 29 tháng 2, toàn lực lượng chiếm lĩnh trận địa chiến đấu, Binh công xưởng chi đội bố trí địa lôi ở 3 trận địa A, B, C, bên trên nguy trang bằng những đồng phân voi. Tại sở chỉ huy, Ban chỉ huy nhận được điện của Khu bộ phó Huỳnh Văn Nghệ: Trận phục kích giao thông được mang tên Dương Văn Dương để kỷ niệm 2 năm ngày mất của ông – nguyên là Khu bộ phó Khu 7.

Trận đánh diễn ra đúng như kế hoạch của Ban chỉ huy chi đội. Lúc 15 giờ 2 phút, quả địa lôi ở mặt trận A nổ, chiếc xe bọc thép đi đầu bị phá hủy. Từ phía tây lộ 20, lực lượng ta xung phong ra đường tấn công địch quyết liệt, 15 giờ 27 phút, địa lôi trận địa C nổ, cả đoàn xe địch bị giam vào trong trận địa, chỉ còn lại hơn 10 chiếc hoảng sợ rút chạy ngược về hướng cầu La Ngà. Trên cả ba mặt trận, chi đội 10, liên quân 17 dũng mãnh xung phong. Địch Hoàn toàn bất ngờ, chống trả yếu ớt.

Gần 1 tiếng đồng hồ, trận đánh kết thúc, ta phá hủy 59 xe quân sự của địch, diệt 150 binh lính hộ tống, 25 tên sĩ quan chỉ huy, hậu cần, tham mưu đi dự hội nghị quân chính, bắt sống trung úy Joeffrey chỉ huy đại đội hộ tống. Trong 25 sĩ quan chết có: Đại tá De sérigné chỉ huy bán lữ đoàn Lê Dương thứ 13, đại tá Paruit phó tham mưu trưởng thứ nhất quân đội Pháp ở Nam Đông Dương; thiếu tá chỉ huy phân khu quân sự Hóc Môn; đại úy Jean Couvreur trưởng phòng xe hơi.

Trong số 270 tù hàng binh và hành khách, có nhiều người và binh lính bị thương và người già, sức yếu, trẻ em sau khi được săn sóc, giải thích rõ chủ trương chính sách của Mặt trận Việt Minh, ta phóng thích tại chỗ. Số còn lại được đưa về căn cứ tập kết ở Suối Cát, gồm nhiều thành phần: trí thức, nữ tu, người buôn bán, hầu hết đều ở Sài Gòn. Tất cả được chia xẻ khẩu phần ăn đạm bạc của bộ đội. Trời mờ sáng, tất cả hành khách được hướng dẫn ra quốc lộ 20 để về Sài Gòn. Riêng Trung úy Joeffrey được điều trị vết thương gãy chân và trao trả sau này.

Toàn bộ lực lượng ta cấp tốc hành quân trở về chiến khu Đ, kịp thời phối hợp cùng các đơn vị tại chỗ tổ chức đánh địch bẻ gãy trận càn của 4.000 quân Pháp vào căn cứ.

Chiến thắng La Ngà là thắng lợi lớn diệt gọn đoàn xe quân sự địch, bắt sống tù binh, gây ảnh hưởng tốt, có tiếng vang trong nước và thế giới.

- Đây là trận đánh giao thông giành thắng lợi lớn về quân sự. Qua báo chí và lời kể của hành khách đi theo đoàn xe, nhân dân vùng tạm chiếm hiểu được chính nghĩa của cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, không dễ dàng bị lừa bịp bởi các luận điệu tuyên truyền của thực dân và tay sai. Nhiều sĩ quan, binh lính Pháp trước tinh thần nhân đạo cách mạng của bộ đội, nhận thức được tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược mà họ bị bắt buộc tiến hành. Không ít người sau này thoát ly theo Việt Minh kháng chiến và chống chiến tranh xâm lược của Pháp.

Sau chiến thắng La Ngà, nhiều thanh niên trong vùng tạm chiếm tình nguyện ra chiến khu, bà con vùng tạm chiến vận động nhau mua lương thực, thuốc men, chuyển ra ủng hộ kháng chiến. La Ngà là chiến thắng giao thông lớn nhất ở miền Đông bấy giờ; trận đánh đồng thời thể hiện được chính nghĩa và chủ nghĩa nhân đạo của cách mạng Việt Nam.

Ngày 27 tháng 3 năm 1948, trong cuộc hội nghị quân sự toàn khu, Bộ tư lệnh khu 7 đánh giá: *“đánh trận La Ngà, quân ta đạt yêu cầu đề ra, thắng cả về quân sự và chính trị. Thắng lợi về quân sự là lớn, nhưng thắng lợi về chính trị còn lớn hơn. Bằng những hành động thực tế của mình trong chiến đấu, trong việc chấp hành đúng đắn các chính sách dân vận, địch nguy vận của Đảng và Nhà nước, chiến sĩ La Ngà đã làm cho nhân dân tin tưởng, quý mến, kẻ địch khiếp sợ và khâm phục. Trận La Ngà chứng tỏ bộ đội khu 7 nói chung, bộ đội Biên Hòa nói riêng có bước trưởng thành về nhiều mặt”*

Bộ tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam gửi điện khen cán bộ, chiến sĩ chi đội 10, tặng thưởng đơn vị làm nên chiến thắng La Ngà Huân chương quân công hạng II.

Ngày 22/12/1986, căn cứ theo quyết định số 235/VH.QĐ, Bộ văn hóa thông tin quyết định xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia cho di tích chiến thắng La Ngà. Di tích chiến thắng La Ngà nằm tại km số 104-113 trên quốc lộ 20, trực thuộc xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.



Di tích chiến thắng La Ngà ở xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

+ Chiến công trong kháng chiến chống Mĩ (1954-1975)

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ buộc chính phủ Pháp ký Hiệp định Giơ – ne – vơ ngày 20 – 7 - 1954. Đất

nước ta tạm chia làm hai miền: lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, miền Nam tạm thời đặt dưới quyền quản lý của đối phương. Hai năm sau (1956) sẽ tổ chức tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Thế nhưng đế quốc Mỹ đã âm mưu thôn tính miền Nam, thôn tính Đông Dương nhằm ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, tiền đồn của Mỹ ở Đông Nam Á. Chúng đào tạo và đã đưa Ngô Đình Diệm về Việt Nam thiết lập bộ máy thống trị từ trung ương đến địa phương, làm tay sai đắc lực cho đế quốc Mỹ.

Tháng 7 – 1954 Trung ương Đảng tiến hành hội nghị lần thứ VI thảo luận tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Hội nghị khẳng định: Đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân ta và chỉ rõ nhiệm vụ chung trước mắt của cả nước là: “Cần tập trung mũi nhọn tiến công vào đế quốc Mỹ, bọn hiếu chiến Pháp và bọn tay sai của chúng, tiến hành củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước”.

Quân dân Đồng Nai cùng với nhân dân cả nước tiếp tục đứng lên kháng chiến chống Mỹ với nhiều trận đánh thắng lợi, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ đất nước.

Nổi dậy phá khám Tân Hiệp (12 – 1956):

Trong huyền thoại những năm tháng đánh Mỹ ấy, cuộc nổi dậy phá ngục của các chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước ở nhà tù Tân Hiệp Biên Hòa là một minh chứng hùng hồn về ý chí gang thép, hành động dũng cảm quật cường, quyết chiến đấu và hy sinh vì độc lập và tự do của Tổ quốc.

Nhà tù Tân Hiệp được chúng gọi là "Trung tâm huấn chính" Biên Hòa có diện tích 3.600 mét vuông nằm cạnh Quốc lộ I (đối diện với Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa, thuộc phường Tân Tiến), cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 2 km về phía đông. Đây là một trong 6 nhà tù lớn của địch ở miền Nam lúc bấy giờ. Đến thời điểm tháng 12-1956, số lượng tù nhân bị địch giam giữ ở đây là 1.872 người trong đó có nhiều nhân sĩ trí thức yêu nước nổi tiếng như: Kỹ sư Lê Văn Thả; nhà văn, nhà báo Dương Tử Giang, Trần Ngọc Sơn, Lý Văn Sâm, Nguyễn Văn Mại, Phạm Thị Lạng.

Đầu năm 1956, Mỹ - Diệm tập trung lực lượng đánh phá cách mạng, đẩy mạnh các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” trên toàn miền Nam. Chúng đánh vào nhân dân mà đối tượng chủ yếu trước mắt là cán bộ, đảng viên, những người kháng chiến cũ và những gia đình cơ sở cách mạng. Chúng hy vọng dùng bạo lực bắt nhân dân phát hiện, tố cáo cán bộ, đảng viên. Mỹ - Diệm mở đầu chính sách “tố cộng, diệt cộng” bằng nhiều hình thức: chúng tuyên truyền xuyên tạc lịch sử, phủ định công lao của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và thanh lọc chia dân để kiểm soát.

Tháng 7 năm 1956, Mỹ - Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu đánh phá khốc liệt nhằm đàn áp phong trào và tiêu diệt cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng. Chúng dùng lực lượng chủ lực kết hợp với bọn bảo an dân vệ, công an cảnh sát chà đi xát lại hầu hết các xã ấp ở Biên Hòa, tập trung là các đồn điền cao su, các vùng căn cứ kháng chiến ở Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Long Thành... Nhiều cán bộ, đảng viên của tỉnh Biên Hòa sa vào tay giặc. Hàng trăm cán bộ, đảng viên và quần chúng cơ sở khắp các huyện thị ở Biên Hòa bị bắt bớ, tù đày.

Trước những hành động khủng bố, tàn sát ngày càng trắng trợn của Mỹ - Diệm, thực lực cách mạng ngày càng tổn thất nghiêm trọng. Không ảo tưởng trong cuộc “đấu tranh chính trị đơn thuần” đối với kẻ thù ngày càng lộ rõ bộ mặt phát xít, từ giữa năm 1956, Đảng ủy nhà tù Tân Hiệp (Biên Hòa) chủ trương tổ chức phá khám trở về với cách mạng, với nhân dân.

Tháng 11 năm 1956, phương án nổi dậy phá khám Tân Hiệp hoàn thành. Công tác chuẩn bị được tiến hành chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích gồm những đồng chí khỏe mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng, đồng chí Lê Minh Toàn làm chính trị viên. Tổ liên lạc có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng, Bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuộng được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn tù vượt ngục trở về căn cứ.

Giờ G, phá khám ấn định là chiều ngày chủ nhật 02 tháng 12 năm 1956.

Chiều chủ nhật, nhà tù Tân Hiệp vẫn trong không khí bình lặng như mọi ngày. Sinh hoạt của tù nhân vẫn diễn ra theo giờ giấc qui định của trại. Sau buổi cơm chiều, đúng 17 giờ 30 đài phát thanh Sài Gòn phát chương trình cổ nhạc. Anh chị em tù nhân tập trung ngồi trước cửa trại vừa nghe nhạc vừa đợi giờ vào trại. Một số anh em còn lắng vẳng quanh sân, gần cột cờ và các bót gác.

17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đều ở trong tư thế sẵn sàng. Các tổ chiến đấu áp sát những mục tiêu đã được phân công.

Đúng như phương án tác chiến giờ đôi gác là lúc địch có nhiều sơ hở. Ngày chủ nhật cũng là thời điểm mà binh lính có nhiều chênh lệch hơn ngày thường. Chính tháp canh xung quanh trại giam theo qui định phải có 3 lính gác thường trực, gác công 3 người, cộng tất cả là 30. Nhưng thực tế cuộc giao ca gác vào buổi chiều ngày chủ nhật này mỗi tháp chỉ còn một lính canh. Kho vũ khí có khoảng 9 – 10 tên lính, hết phiên trực đã nộp súng đạn vào kho và ngồi tán gẫu. Toàn bộ lính trực trong thời điểm này chỉ còn 12 tên. Số còn lại đều về với gia đình ở trại C hoặc la cà trong các hàng quán.

17 giờ 50 phút, sau tiếng keng báo tù nhân vào trại thì tiếng hô “xung phong” vang dậy khắp nơi. Xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến mục tiêu. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Tư Tăng, Cội, Mìn, Nhàn, Sỏi, Còn

Lém... xông thẳng vào kho vũ khí bắt trói trưởng toán gác lấy toàn bộ vũ khí. Bọn lính kẻ bên hốt hoảng bỏ chạy tán loạn. Cùng lúc đó một tổ xông thẳng đến nhà tên giám đốc Tính. Vợ hắn la hoảng, tên công an tài xế chạy đến ứng cứu bị anh em ta đánh gục. Một bộ phận xung kích xông thẳng vào trại giam bắt trói tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an và cắt dây điện thoại.

Phải mất mấy phút sau cánh cổng mới mở được. Anh em tù nhân từ các trại D, E, G ào ạt tuôn ra cửa. Trước làn sóng người tràn ra như nước vỡ bờ, tên lính gác bên ngoài cổng chính giương súng bắn, lập tức bị một xung kích quật ngã và đoạt lấy súng. Dòng người tuôn ra cửa mỗi lúc một đông. Một số anh chị em không được phổ biến trước cũng vội vàng chạy theo. Cánh cổng chính trại giam thay vì khi mở kéo vào nhưng trong lúc vội vàng tù nhân lại cố sức đẩy bật ra nên chỉ mở được một cánh, cánh kia chỉ hé được một phần gây ùn tắc, một số anh em kên nhau nhảy vọt qua hàng rào. Tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng chân chạy rầm rập của hàng trăm người. Lúc đầu lực lượng xung kích của ta hoàn toàn làm chủ tình hình. Hơn 15 phút sau bọn chúng mới hoàn hồn, vội vã nổ súng phản kích và truy đuổi. Tên trung sĩ Đặng Đức Tài, phó chỉ huy lính bảo an trèo lên tháp canh số 1 cùng tên lính gác dùng trung liên bắn xối xả ra hướng cổng trại và sân banh. Tiếp đó tên thượng sĩ Lê Văn Huệ cũng ra lệnh cho tên lính ở tháp canh số 2 bắn chéo ra ngoài lộ 1.

Theo kế hoạch của ta thì khi dứt điểm hoàn toàn các mục tiêu bên trong, lực lượng xung kích nhanh chóng chuyển ra ngoài triển khai chốt chặn ở hai đầu đường, dùng súng cướp được bắn áp chế các tháp canh số 1 và số 2 để yểm trợ anh chị em tiếp tục chạy thoát. Do có sự ùn tắc ngoài dự kiến, nên không thực hiện được phương án.

Khi địch nổ súng, một bộ phận xung kích gồm các đồng chí Nguyễn Chiến Lũy (Hai Thông), Phạm Văn Rô, Tân, Thức... đang vận động về phía sau trại E, quay súng bắn kiềm chế hai tháp canh (tháp 1 và 2) nhằm hút hỏa lực địch về phía sau.

Trước làn đạn xối xả của địch, số anh chị em ta chạy ra sau trúng đạn gần 30 đồng chí vừa hy sinh, vừa bị thương nằm trước cổng trại, bên ngoài sân banh và ven bờ suối.

Cuộc nổi dậy phá khám nổ ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 số tù nhân còn lại bị địch gom vào các trại, binh lính canh giữ nghiêm ngặt.

Sau khi thoát khỏi trại giam, đoàn vượt ngục chia làm nhiều cánh để tìm về căn cứ. Mặc dầu địch tăng cường lực lượng truy đuổi, phục kích bố ráp gắt gao, nhưng không một ai nản lòng, có 462 đồng chí thoát được trở về tới căn cứ.

Gần 500 cán bộ, đảng viên với 41 khẩu súng các loại thu được là nguồn bổ sung vô giá cho phong trào vũ trang Đồng khởi ở miền Nam.

Trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, đây là cuộc nổi dậy phá khám để tự giải phóng có quy mô lớn nhất, đưa được số lượng lớn cán bộ nòng cốt của Đảng về với cách mạng và cướp được số lượng vũ khí nhiều nhất.



Nhà lao Tân Hiệp, phường Tân Tiến thành phố Biên Hòa

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp ngày 02 tháng 12 năm 1956, đã giải thoát được 462 cán bộ, đảng viên về với cách mạng, trong đó có nhiều nhân sĩ yêu nước. Lực lượng phá khám thu được hơn 40 khẩu súng các loại và đây là nguồn vũ khí quý báu bổ sung cho phong trào cách mạng tại địa phương sau này. Đây là cuộc nổi dậy phá khám quy mô và giành được thắng lợi trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Mỹ - nguy của cách mạng miền Nam, tại Biên Hoà khi bị địch khủng bố nghiêm trọng.

Di tích Nhà lao Tân Hiệp được xếp hạng cấp quốc theo quyết định số 2754/QĐ/BT của Bộ Văn hóa Thông tin ngày 15 tháng 10 năm 1994.

-Trận đánh Mỹ tại Nhà Xanh (BIF):

Sau những chiến dịch khủng bố ác liệt của Mỹ - nguy, lực lượng cách mạng bị tổn thất nghiêm trọng. Phong trào bị chìm trong máu và nước mắt. Trước tình hình đó, số cán bộ, đảng viên còn lại và quần chúng cách mạng muốn cầm ngay vũ khí đánh trả quân thù.

Tháng 12 năm 1956, Xứ ủy họp đánh giá tình hình và đề ra chủ trương: “do nhu cầu của cách mạng miền Nam, trong chừng mực nào đó cần có lực lượng tự vệ và vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và tiến tới sau này dùng lực lượng vũ trang đó để làm cách mạng đánh đổ Mỹ - Diệm... Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập các đội vũ trang bí mật, xây dựng căn cứ rừng núi, tranh thủ vận động, cải tạo, tập hợp lực lượng giáo phái bị Mỹ - Diệm đánh tan

đứng vào hàng ngũ nhân dân, lợi dụng danh nghĩa giáo phái ky khai để diệt ác ôn”^(LIII^[6]).

Đầu năm 1957, “”Đề cương cách mạng miền Nam” và nghị quyết của Xứ ủy được Liên tỉnh ủy miền Đông triển khai cho cán bộ chủ chốt của Biên Hòa.

Lo sợ trước làn sóng đấu tranh cách mạng của nhân dân ta đang dâng lên mạnh mẽ khắp nơi ở miền Nam, cay cú trước những thất bại về quân sự, chính trị, ngoại giao, ngày 1 tháng 12 năm 1958, Mỹ - Diệm đã man đầu độc giết hại hàng trăm cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở nhà tù Phú Lợi (Bình Dương). Cả nước căm phẫn. Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ đạo ngay cuộc đấu tranh chính trị với quy mô lớn trong toàn tỉnh. Bất chấp sự ngăn cấm khủng bố của địch, hàng ngàn đồng bào ở các huyện thị ở Biên Hòa, Long Khánh kéo về Sài Gòn, các thị xã, thị trấn biểu tình vạch trần bộ mặt phát xít tàn bạo của chế độ Mỹ - Diệm.

Tháng 5 năm 1959, Mỹ - Diệm ban hành luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam gây nhiều tội ác với đồng bào ta, hành hình cán bộ, đảng viên không cần xét xử. Thế nhưng, Mỹ - Diệm càng điên cuồng khủng bố dã man thì lòng căm thù của nhân dân ta đối với bọn chúng càng cao, ý chí cách mạng càng thêm kiên định.

Để ngăn chặn những hành động tội ác của giặc mà bọn đầu sỏ chỉ huy là bè lũ cố vấn Mỹ, ban lãnh đạo Liên tỉnh ủy miền Đông quyết định tổ chức lực lượng tập kích vào trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) đóng tại nhà máy của BIF thị xã Biên Hòa. Văn phòng nhà máy của BIF trở thành cư xá chuyên gia Mỹ trong phái đoàn MAAG đang làm nhiệm vụ cố vấn huấn luyện cho sư đoàn 7 nguy ở Biên Hòa.

Liên tỉnh ủy quyết định chọn một số điểm ở Biên Hòa để điều nghiên đánh Mỹ. Đánh Mỹ ở Biên Hòa thắng lợi sẽ có tác động lớn vì sau Sài Gòn, đây là hậu cứ, là trung tâm đầu não của bọn Mỹ - nguy ở miền Đông, nơi được mệnh danh là “sân sau của Sài Gòn”. Ban quân sự miền Đông giao trách nhiệm cho đồng chí Lâm Quốc Đăng tổ chức thực hiện nhiệm vụ quan trọng này với phương châm là tuyệt đối bí mật, an toàn, chắc thắng.

Đầu tháng 2 năm 1959, đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) đại đội phó C250 nguyên là thị ủy viên thị xã Biên Hòa nghiên cứu tình hình. Cuối tháng 6 năm 1959, Liên tỉnh ủy và Ban quân sự miền Đông thông qua phương án tập kích vào cư xá bọn cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa và ấn định vào 19 giờ ngày 7 tháng 7 năm 1959 mổ súng.

Chiều tối ngày 5 tháng 7 năm 1959, từ căn cứ chiến khu Đ, phân đội vũ trang gồm 6 đồng chí nhận lệnh xuất phát. Khuya ngày 5 tháng 7, đơn vị đã về gò Cây Trâm Muối rừng Tân Phong – Khu căn cứ của Thị ủy Biên Hòa. Tại đây các đảng viên mật của chi bộ sở cao su Bàu Hang đã lo sẵn điểm trú quân, chuẩn bị cơm nước phục vụ anh em. Ngày 6 tháng 7, đồng chí Ba Lễ vào căn cứ gặp mặt toàn đội, trao đổi về tình hình và kế hoạch tác chiến.

Đêm 6 tháng 7, đội vũ trang tiếp tục bí mật hành quân về rừng chòi Gò Me ém quân trong căn hầm bí mật phía sau nhà má Nguyễn Thị Xuân (Ba Xuân) - một cơ sở cách mạng của Thị ủy Biên Hòa.

Ngày 7 tháng 7 khoảng 19 giờ, nhá nhem tối, phân đội vũ trang cải trang thành toán lính đi tuần tới Gò Me men theo bờ ruộng tiến thẳng vào mục tiêu. Tín hiệu của cơ sở cho thấy mọi bí mật vẫn hoàn toàn đảm bảo. Bên trong cư xá, sáu cố vấn Mỹ đang chăm chú xem bộ phim “Cái áo rách” do diễn viên Kanne Grain đóng, chiếu bằng một máy chiếu nhỏ ngay ở trong phòng khách tầng trệt. Bọn lính đến đôi phiên gác. Đồng chí Nguyễn Thành Long, tự vệ mật, nguyên là thợ sửa chữa điện ở tiệm Minh Tuyền (chợ Biên Hòa) kịp thời nổ súng diệt tên lính gác cổng. Một số tự vệ mật khác cũng nhanh chóng chặn kho súng, cho nổ thủ pháo ở khu nhà tên sĩ quan chỉ huy và dây nhà lính, làm nhiệm vụ kèm chân địch, không cho chúng phản công đánh vào sau lưng các chiến sĩ vũ trang. Các chiến sĩ vũ trang nhanh chóng theo lối cổng phụ tiến vào áp sát cư xá. Hai đồng chí bí mật nấp sau cửa sổ chĩa súng vào bên trong sẵn sàng nổ đạn. Hai chiến sĩ khác ém sát sau tấm rèm che cửa phòng ăn. Riêng đồng chí Huệ và đồng chí Sắc mang mìn theo lối cửa hông (lối xuống bếp) lợi dụng lúc địch tắt đèn xem phim. Đưa mìn vào đặt sẵn bên trong. Nhưng ngay lúc đó, đèn trong phòng bỗng bật sáng. Cuốn phim thứ nhất đã hết, trung sĩ Ovmand mở công tắc đèn để thay phim. Trước tình huống bất ngờ, đồng chí Năm Hoa phát lệnh nổ súng ngay. Mấy loạt tiểu liên từ phía hai cửa sổ bắn chéo vào phòng. Thiếu tá B. Buis và trung sĩ C. Ovmand trúng đạn chết tại chỗ, đại úy Boston bị thương. Cùng lúc, đồng chí Huệ ôm quả mìn bước lên bậc tam cấp cửa hông thì đụng phải tên bồi bàn hốt hoảng lao xuống. Một lính Mỹ nhảy xuống trườn qua phòng bên để tắt đèn. Không để cho bọn Mỹ kịp phản ứng, nhận rõ thời cơ diệt địch, đồng chí Huệ dũng cảm chấp nhận hy sinh. Anh hô to: “châm điện”. Đồng chí Sắc ở phía sau chập mạnh hai đầu dây vào khối pin. Một quầng lửa chớp sáng lòa kèm theo một tiếng nổ mạnh làm rung chuyển mạnh cả một khu vực cư xá. Hệ thống đèn phụt tắt. Đồng chí Nguyễn Văn Huệ anh dũng hy sinh, đồng chí Sắc bị thương. Bốn đồng chí còn lại xông thẳng vào nhà quét vài loạt đạn và nhanh chóng dìu đồng chí Sắc rút ra ngoài.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút. Địch không kịp trở tay, kể cả số lính bảo vệ nằm sát cư xá. Theo phương án, 5 đồng chí còn lại trong đội vũ trang vượt rào, sân banh, ra lộ 15 hướng suối Săng Máu, rút về chiến khu an toàn. Tự vệ mật Thị ủy Biên Hòa nhanh chóng tản về các nơi, giấu vũ khí, thay đổi trang phục.

Một tiếng đồng hồ sau trận đánh, bọn địch các nơi mới đến được khu cư xá Mỹ. Bọn quân cảnh, cảnh sát Sài Gòn cũng cấp tốc kéo về Biên Hòa phối hợp truy lùng. Suốt đêm lính địch nhón nháo khắp nơi nhưng chẳng phát hiện được gì ngoài một số vết tích nghi trang còn lưu lại.

Thế là sau mấy tháng trời âm thầm chuẩn bị với bao công sức của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Đông, trực tiếp là đơn vị đặc công C250 và Đảng bộ nhân dân thị xã Biên Hòa, trận tập kích địch vào cư xá phái đoàn cố vấn Mỹ ở BIF (Nhà Xanh) hoàn thành thắng lợi.

Trận đánh phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ tại Nhà Xanh (BIF) là trận đánh Mỹ đầu tiên của nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.



Di tích Nhà Xanh tọa lạc trong khuôn viên Trường Công nhân Kỹ thuật Đồng Nai, thuộc P.Thống Nhất, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Di tích được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định số 235/VH-QĐ ngày 12/12/1986.

- ***Đánh sân bay Biên Hòa:***

Tháng 9 năm 1964, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đẩy mạnh tiến công và nổi dậy: tiến lên giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới.

Ngày 10 tháng 10 năm 1964, Quân ủy quân sự Trung ương chỉ thị mở đợt hoạt động mùa khô 1964 – 1965 trên khắp chiến trường miền Nam nhằm tiêu diệt một bộ phận chủ lực ngụy, kết hợp tiêu hao rộng rãi, thúc đẩy sự tan rã của lực lượng địch, phá ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp, giành thêm nhiều nhân lực, mở rộng vùng giải phóng, thu hẹp vùng kiểm soát của địch, đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, làm tăng thêm sự khủng hoảng chính trị và mâu thuẫn nội bộ địch.

Bộ Chỉ huy quân sự Miền Nam (B2) chủ trương mở chiến dịch tiến công tiêu diệt địch, mở rộng vùng giải phóng. Hướng tập trung là các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh.

Tháng 10 năm 1964, Tỉnh ủy Biên Hòa tiến hành Đại hội tại căn cứ Suối Cả (Long Thành). Kể từ 1954, đây là lần đầu tiên Biên Hòa tổ chức Đại hội tỉnh Đảng bộ. Đồng chí Phan Văn Trang (Năm Trang) được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Trước tình hình mới, khả năng đế quốc Mỹ tăng cường chiến tranh, đưa quân Mỹ trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa tập trung chỉ đạo việc phát triển lực lượng, chuẩn bị nhân tài, vật lực để đánh Mỹ trên mọi mặt trận, mọi lúc.

Từ tháng 10 năm 1964, phối hợp với các lực lượng trinh sát Miền, Tỉnh ủy, Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo kết hợp điều nghiên địa hình, bố phòng sân bay Biên Hòa và chuẩn bị trận địa cho lực lượng pháo binh Miền và quân khu tấn công địch.

Sân bay Biên Hòa cách Sài Gòn 30 km về phía Đông Bắc là một trong những sân bay quân sự lớn nhất của Mỹ - nguy ở miền Nam, rộng khoảng 49 km² với 2 đường băng dài 3.600 mét và 1.000 mét. Sân bay được trang bị hệ thống radar, hệ thống chỉ huy liên lạc tối tân. Bên trong sân bay có 6 khu rộng chứa từ 170 – 190 máy bay, thường xuyên có 500 sĩ quan, phi công, nhân viên kỹ thuật và hàng trăm binh lính Mỹ - nguy đồn trú bảo vệ. Hệ thống phòng thủ sân bay được địch bố trí kiên cố và nghiêm ngặt gồm nhiều lớp hàng rào kẽm gai với chiều rộng gần 1 km, bãi mìn, lựu đạn dày đặc và nhiều lô cốt, bốt gác xung quanh. Ban đêm, sân bay được soi sáng bằng một hệ thống đèn pha cực mạnh. Lực lượng bảo vệ sân bay gồm đại đội pháo binh, một đại đội xe tăng, một tiểu đoàn quân khuyến (100 con chó béc giê). Bên cạnh sân bay là sở chỉ huy quân đoàn 3 nguy, bên ngoài sân bay có một tiểu đoàn quân Mỹ và một tiểu đoàn lính bảo an nguy thường xuyên tuần tra canh gác.

Bộ chỉ huy Miền chỉ định các đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã) và Nguyễn Văn Bứa (Hai Hồng Lâm) tổ chức chỉ huy trận đánh. Huyện ủy Vĩnh Cửu huy động gần 100 dân công tham gia tải đạn từ chiến khu Đ để phục vụ cho trận đánh.

Lực lượng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu gồm một đại đội cối 81 (7 khẩu), một đại đội DKZ 75 (2 khẩu) của Miền kết hợp một đại đội cối 81 (3 khẩu), một trung đội đặc công tiểu đoàn 800 của quân khu miền Đông (T1), đại đội địa phương tỉnh Phước Thành và lực lượng vũ trang huyện Vĩnh Cửu, thị xã Biên Hòa.

Chiều 31 tháng 10 năm 1964, từ căn cứ chiến khu Đ, các đơn vị xuất phát, bí mật hành quân đến vị trí tập kết, bố trí trận địa tại Hóc Bà Thúc (phường Tân Phong) phía Đông - Bắc sân bay Biên Hòa.

23 giờ 30 đêm 31 tháng 10 năm 1964, pháo cối ta bắt đầu cấp tập bắn vào sân bay. Từng cụm lửa bốc cháy sáng rực cả một góc trời. Cả thị xã Biên Hòa và các vùng phụ cận rung lên vì những tiếng nổ long trời lở đất. Chỉ trong vòng 15 phút gần 130 quả đạn cối rơi gọn và chính xác xuống các mục tiêu, phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 máy bay B57, loại máy bay tối tân của Mỹ lúc bấy giờ mới đưa từ Philipin chuẩn bị gây tội ác ở miền Bắc, 11 máy bay AD6, 1 máy bay do thám (U2), diệt và làm bị thương 253 tên địch, thiêu hủy và nổ tung hoàn toàn 2 kho đạn lớn, 1 kho xăng, 1 đài quan sát và 18 căn trại lính. Địch không kịp phản ứng, ta rút về căn cứ an toàn.

Sáng 1 tháng 11 năm 1964, Tay – lơ đại sứ Mỹ từ Sài Gòn tức tốc đến sân bay Biên Hòa, thốt lên: “Rõ ràng Việt Cộng làm một việc chưa hề có...” và “Tôi

không muốn nhìn thấy cảnh tượng này nữa”. Báo Thế giới Tây Đức nhận xét rằng: “Trận đòn của Việt Cộng đánh vào sân bay của Mỹ ở Biên Hòa làm cho các nhà quân sự ở Hoa Thịnh Đôn rất đau đầu. Người ta cho rằng không còn có gì thêm nữa, Việt Cộng cũng có khả năng lập lại cuộc tấn công như vậy vào các vị trí quan trọng khác trong khi không bị thương vong một người nào. Việt Cộng ở Biên Hòa đã thực hiện một điều lý tưởng về chiến thuật quân sự là dùng phương tiện tối thiểu để thu được kết quả tối đa và gây tác hại hàng chục triệu đô la cho không quân Mỹ”.

Đây là một trận đánh táo bạo, bất ngờ. Lần đầu tiên, pháo binh Miền đã tận dụng yếu tố bí mật, kết hợp với lực lượng địa phương và phong trào quần chúng, mở đầu hàng loạt trận pháo kích vào các mục tiêu chiến lược quan trọng của Mỹ - Ngụy.

Chiến thắng tại sân bay Biên Hòa làm nức lòng quân dân cả nước. Lực lượng pháo binh Miền được tặng thưởng Huân chương quân công hạng nhất, huân chương cao nhất lần đầu tiên được tặng thưởng ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã viết bài ca ngợi chiến thắng này trên báo Nhân dân số 3878 ngày 12 – 11 – 1964:

“Uy danh lừng lẫy khắp năm châu

Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu

Thành đồng trống thắng lay lâu trắng

Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu”

Đặc công đánh tổng kho Long Bình – sân bay Biên Hòa:

Tổng kho Long Bình diện tích khoảng 24 km², nằm cách Sài Gòn về phía đông 20 km, thành phố Biên Hòa 7 km. Trong tổng kho Long Bình có Bộ tư lệnh dã chiến II Mỹ, Bộ tư lệnh hậu cần số 1 của Mỹ, đồng thời là kho bom, đạn lớn của Mỹ ở miền Nam Việt Nam được xây dựng từ giữa năm 1965. Lực lượng Mỹ - Ngụy thường xuyên có 2.000 tên.

Tổng kho địch tổ chức phòng thủ chặt chẽ, bao bọc xung quanh từ 7 đến 12 lớp rào kết hợp gai mìn trái. Các lô cốt tiền duyên cách nhau 30 – 40 mét nằm cách lớp rào cuối cùng từ 40 – 50 mét. Bên trong có nhiều tuyến hào nối các lô cốt, đường đi, lối lại ngang dọc, hai bên đường đều rải hàng rào kẽm gai.

Hai khu kho quan trọng trong tổng kho là khu kho đồi 50 và đồi 53, có 18 dãy nhà kho với khoảng 200 gian chia làm 3 khu (mỗi khu 6 dãy), mỗi dãy cách

nhau 100 mét, các nhà cách nhau 60 mét. Nhà kho xây hình khối chữ nhật (30m x 25m x 5,5m), cửa thép có khóa sắt, xung quanh có ụ đất dày 4 – 5 mét.

Ngày 22 – 6 – 1966, 6 chiến sĩ đặc công chia làm 3 tổ: Tổ 1 do Nguyễn Tấn Vàng tổ trưởng, tổ 2 do Nguyễn Văn Thái tổ trưởng, tổ 3 do Bùi Văn Hòa tổ trưởng, vượt rào và chường ngại vật tiếp cận khu kho đòi 53 đặt mìn có gắn kíp nổ hẹn giờ bằng đồng hồ.

Sáng 23 – 6, khu kho đòi 53 bắt đầu nổ, toàn bộ khu kho trùm trong khói lửa. Các phương tiện cứu hỏa của địch đều bất lực. Trận đánh gây thiệt hại nặng cho địch, hủy diệt 40.000 quả đạn pháo các loại của Mỹ.

Đây là trận tiến công đầu tiên của đặc công Biên Hòa vào tổng kho Long Bình, mở đầu cho hàng loạt trận đánh sau này. Trận đánh giành thắng lợi lớn và được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương quân công giải phóng hạng III và 4 huân chương chiến công giải phóng.

Để phối hợp với chiến trường chung, đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của đế quốc Mỹ (1965 – 1966; 1967 - 1968), Tỉnh đội Biên Hòa U1 chỉ đạo đặc công tinh liên tục tiến công vào kho Long Bình. Phương châm đánh là táo bạo, chắc, đánh bồi, phá hủy bom đạn, phương tiện chiến tranh của địch. Cuối năm 1966, đặc công U1 đã bí mật tiến công 3 lần (các tháng 10, 11, 12) vào tổng kho Long Bình, hủy diệt 353.000 quả đạn pháo và các loại bom của địch. Loạt trận đánh này thể hiện sự dũng cảm, mưu trí, sáng tạo và quyết tâm cao của đặc công U1, được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương quân công hạng II.

Đêm 3 – 2 – 1967, đặc công U1 lại đột nhập khu kho đòi 53 đặt mìn hẹn giờ. Bốn mươi dãy kho bị nổ tung với 800.000 quả đạn pháo các loại. Một tổ đặc công U1 từ chốt Bình Trị, Hóa An đột nhập vào sân bay quân sự Biên Hòa đặt mìn làm nổ tung kho chứa nhiên liệu, đốt cháy 10 triệu lít xăng dầu.

Tập kích bằng pháo binh vào sân bay quân sự Biên Hòa:

Thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” trên chiến trường miền Nam, Mỹ - ngụy nâng cấp sân bay Biên Hòa thành sân bay quân sự hiện đại nhất Đông Nam Á.

Bộ Chỉ huy Quân sự Miền xác định sân bay quân sự Biên Hòa là mục tiêu tiến công quan trọng hàng đầu, bố trí và giao nhiệm vụ cho đoàn pháo binh U80. Công tác điều nghiên được đoàn triển khai để chuẩn bị cho trận pháo kích lần thứ hai. Tiểu đoàn 34 pháo binh (đoàn U80) do tiểu đoàn trưởng Trần Mân chỉ huy trận đánh. Lực lượng pháo gồm hai khẩu sơn pháo 75, hai khẩu DKZ 75, 4 khẩu cối 82.

24 giờ ngày 23 tháng 8 năm 1965, từ bốn trận địa, đồng loạt pháo kích vào sân bay Biên Hòa, phá hủy 68 máy bay Mỹ, 8 giàn hỏa tiễn, 22 bồn chứa dầu, 30 xe vận tải; diệt nhiều sinh lực địch.

Trận đánh của đoàn pháo được Bộ tư lệnh Miền tặng thưởng Huân chương quân công giải phóng hạng I.

Sau chiến thắng, đoàn pháo binh U80 nhanh chóng phát triển, tổ chức thành đơn vị tương đương cấp sư đoàn lấy phiên hiệu đoàn 69 pháo binh Ban chỉ huy: Đào Sơn Tây tư lệnh, Nguyễn Xuân Phúc phó tư lệnh, Nguyễn Văn Kiên tham mưu trưởng. Đoàn 69 làm nhiệm vụ chi viện hỏa lực cho bộ đội chủ lực quân giải phóng miền Nam trên khắp chiến trường miền Đông.

Ngày 5 tháng 6 năm 1966, trung đoàn pháo 274 được thành lập nằm trong đội hình đoàn pháo binh 69 do đồng chí Tô Đê làm trung đoàn trưởng.

Ngày 11 tháng 5 năm 1967, trung đoàn pháo 274 (tên lửa ĐKB) tiến công sân bay Biên Hòa. Quân khu miền Đông huy động toàn bộ cán bộ quân dân chính Đảng mang vác đạn pháo từ Mã Đà xuống tận bờ sông Đồng Nai để phục vụ trận đánh.

23 giờ đêm 11 rạng sáng 12 – 5 – 1967, các khẩu ĐKB với 119 quả đạn nổ đồng loạt vào sân bay Biên Hòa. Hợp đồng tác chiến với trung đoàn 274 còn có 6 khẩu cối 82 ly (336 đạn) 61 khẩu ĐKZ (95 đạn) của trung đoàn 3 bộ binh và tiểu đoàn Phú Lợi. Địch hoàn toàn bất ngờ. Pháo tên lửa ta lần đầu tiên xuất hiện ở chiến trường miền Đông, phá hủy 150 máy bay các loại và nhiều phương tiện chiến tranh và sinh lực của Mỹ - ngụy. Trung đoàn được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương quân công giải phóng hạng III.

Đánh địch trên sông Lòng Tàu:

Sau khi thành lập (4 – 1966) Bộ chỉ huy Đặc khu Rừng Sác quyết định mở đợt tiến công tiêu diệt, tiêu hao một bộ phận sinh lực địch trên sông Lòng Tàu.

Đầu tháng 7 – 1966, kế hoạch đánh tàu địch trên sông Lòng Tàu được triển khai, lực lượng bố trí ở hai khu: đoạn sông từ ngã ba sông Đồng Tranh đến Đỗ Hòa và đoạn từ sông Lôi Giang đến vàm sông Giàn Xay.

Ta bắn cháy một tàu 10.000 tấn và bốn tàu tuần tiễu, hai tàu quét mìn, một tàu hộ tống.

Tháng 8 năm 1966, theo lệnh của Bộ chỉ huy Miền, Đảng ủy, Bộ chỉ huy Đoàn 10 tổ chức trận đánh lớn trên sông Lòng Tàu. Lần đầu tiên, ta sử dụng hai quả thủy lôi K.B, mỗi quả nặng trên một tấn bố trí trận địa ở Vàm ngã Bảy và phối hợp với các trận địa trên bờ. Ba chiếc tàu hàng quân sự của Mỹ từ cảng Vũng Tàu vào sông Lòng Tàu. Mục tiêu chọn đánh là chiếc tàu đi sau cùng mang tên baton

ruge Victory. Ngày 23 tháng 8 năm 1966, đoàn tàu địch lọt vào trận địa của ta. Ta tiến công và diệt tàu Victory. Địch đã phản kích quyết liệt suốt 7 ngày. Pháo binh Đoàn 10 bám trụ đánh trả, bắn cháy thêm 7 tàu trong đó có chiếc trọng tải 8.000 tấn.

Baton Ruge Victory là tàu vận tải hậu cần của sư đoàn 4 Mỹ đã bị ta đánh chìm trên sông Lòng Tàu mang theo 45 thủy thủ, gần 100 thiết giáp M 113, 3 máy bay phản lực còn trong kiện và một khối lượng quân dụng, lương thực lớn đủ cho 1 sư đoàn Mỹ sử dụng trong cả chiến dịch mùa khô.

Chiến dịch Xuân Lộc giải phóng thị xã Long Khánh:

Cuộc tiến công chiến lược để giải phóng miền Nam được khởi đầu bằng trận đột phá Buôn Ma Thuột ngày 4 tháng 3 năm 1975 trong chiến dịch Tây Nguyên. Chưa đầy một tháng với sức tiến công "Thần tốc" ta đã quét sạch địch từ Quảng Trị đến Phan Rang.

Trước tình thế nguy ngập ngày 28 tháng 3 năm 1975 Ủy En, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ vội vã cùng với Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng quân nguy ra Xuân lộc khảo sát chiến trường, hình thành "Bức tường thép Xuân Lộc" – phòng tuyến số một nằm trong 3 hướng phòng ngự trọng yếu của Sài Gòn. Chuẩn tướng Lê Minh Đảo tư lệnh sư đoàn 18 và đại tá Phạm Văn Phúc tỉnh trưởng Long Khánh được giao nhiệm vụ "Tử thủ" Xuân Lộc.

Đầu tháng 4 năm 1975 quân nguy ở Long Khánh có sư đoàn 18 gồm 3 chiến đoàn: Chiến đoàn 43 và 48 đóng tại hậu cứ hướng đông thị xã Long Khánh. Chiến đoàn 52 đóng ở Kiệm Tân (lộ 20). Trung đoàn thiết giáp số 5 có trên 100 xe tăng và thiết giáp, 9 tiểu đoàn bảo an và 3 đại đội biệt lập trực thuộc tiểu khu Long Khánh; cùng các lực lượng cảnh sát và bộ máy kèm kẹp khác chốt giữ nhiều điểm quan trọng trong thị xã.

Ngày 31 tháng 3 năm 1975 tại thủ đô Hà Nội, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và quyết định: "*Nắm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ chắc thắng, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất. Tốt nhất là trong tháng 4 năm 1975 không thể để chậm*".

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Xuân Lộc đập tan tuyến phòng thủ của địch ở phía đông Sài Gòn.

Sở chỉ huy quân đoàn 4 đặt tại bắc sông La Ngà – sở chỉ huy tiền phương đặt tại ấp Bảo Vinh. Ngày 4 tháng 4 – 1975 nhiệm vụ tác chiến của từng đơn vị được triển khai. Sư đoàn bộ binh số 7 tăng cường 12 xe tăng (T59) 3 khẩu pháo 85 ly (bắn thẳng) 2 khẩu cối 160 ly, 12 khẩu cao xạ (37 – 57 ly) có pháo của quân

đoàn chi viện đánh chiếm hậu cứ sư đoàn 18. Sư đoàn bộ binh 341 từ hướng bắc đánh chiếm ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ, dinh tỉnh trưởng (toàn bộ các mục tiêu trung tâm thị xã). Sư đoàn bộ binh số 6 (quân khu 7) có nhiệm vụ tiêu diệt địch từ ấp Hưng Lộc đến đèo Mẹ bông con - chặn đánh địch chi viện từ phía Biên Hòa.

Tiểu đoàn 445 tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, đại đội 41, đại đội 34 (huyện Châu Đức) đại đội 207 huyện Cao su, K8 huyện Xuân lộc, đội biệt động, đội trinh sát vũ trang Long Khánh... phối hợp, căng kéo chia cắt địch, dẫn đường cho bộ đội chủ lực ... tiến công phía nam Xuân Lộc (^[111]^[35]).

Tại sở chỉ huy quân đoàn ngày N – 1 (8 – 4) các sư đoàn chủ lực đã tập kết cách thị xã Long Khánh từ 4 đến 10 km. Đêm mùng 8 – 4 – 1975, xe pháo của quân đoàn cùng lực lượng vũ trang địa phương, tiến quân như vũ bão hợp thành trận đánh mang tầm vóc lịch sử.

Năm giờ 30 sáng mùng 9 – 4 – 1975 pháo chiến dịch 130 ly (pháo tầm xa của quân đội nhân dân Việt Nam) ở tọa độ 17 – 5507 (Túc Trưng - Bảo Vinh) gầm vang báo hiệu trận tiến công tuyến phòng thủ Xuân Lộc mở màn. Sau hơn một tiếng đồng hồ pháo cấp tập vào các mục tiêu trong thị xã Long Khánh, Xuân Lộc, phía ta chuyển làn bắn chế áp pháo địch ở Núi Thi, hỗ trợ xe tăng, bộ binh ở các hướng đồng loạt tiến công. Ngay phút đầu tiên, cột ăng-ten trong tiểu khu Long Khánh bị gục đổ, các kho đạn nổ tung.

Mũi hướng bắc các chiến sĩ biệt động Long Khánh nhanh nhẹn hướng dẫn sư đoàn 341 đánh chiếm các mục tiêu ở trung tâm thị xã. Địch chống trả quyết liệt, nhưng với khí thế tiến công mạnh mẽ, đến 7 giờ 45, chiến sĩ Nguyễn Thanh Sơn, tiểu đoàn 5 trung đoàn 116, sư 7 cắm cờ trên dinh tỉnh trưởng Long Khánh.

Hướng đông thị xã do địa hình quá trống trải, địch dùng xe tăng phản kích dữ dội, sư đoàn 7 bị thương vong nặng, đến chiều tối vẫn không chọc thủng được phòng tuyến của hậu cứ sư đoàn 18.

Hướng tây sư đoàn 6 cùng du kích, đánh chiếm ấp Trần Hưng Đạo, đèo Mẹ bông con, ấp Hưng Lộc, hoàn thành nhiệm vụ được phân công, giải phóng quốc lộ 1 đoạn trên 10 km.

Hướng nam tiểu đoàn 445 phối hợp với tiểu đoàn 9 trung đoàn 209 sư đoàn 7 đánh viện binh địch từ Suối Cát, tiêu hao nặng 2 tiểu đoàn địch, bắt sống tù binh, giải phóng ấp Bảo Toàn.

Sau một ngày đồng loạt tiến công, địch bị thiệt hại nặng nề. Hệ thống bộ phòng ở Xuân Lộc bị phá vỡ. Cờ giải phóng tung bay trên các tòa nhà: dinh tỉnh trưởng, khu cố vấn Mỹ, ty cảnh sát, trụ sở tình báo CIA. Hậu cứ sư đoàn 18 bị chọc thủng một mảng.

Địch phát hiện ra ý đồ chiến thuật của ta, chúng lập tức điều chỉnh lực lượng điều tiểu đoàn 1 chiến đoàn 48 từ Tân Phong về, tiểu đoàn 3 chiến đoàn 48 chốt tại Tân Phong. Chiến đoàn 52 từ Túc Trưng về Kiệm Tân, tiểu đoàn 2 chiến đoàn 52 về tiếp ứng cho thị xã. Tiểu đoàn 1 chiến đoàn 52 giải tỏa áp Trần Hưng Đạo, các tiểu đoàn bảo an được chấn chỉnh, tăng cường phòng thủ hướng đông thị xã. Bộ chỉ huy sư đoàn 18 di chuyển về hướng đông Tân Phong, tiểu khu trưởng Long Khánh chuyển về Núi Thị, phi pháo tăng cường đánh phá hậu phương ta ở mũi tiến công hướng đông.

Ngày 10 tháng 4 tiểu đoàn 7 trung đoàn 33 cùng du kích áp Trần Hưng Đạo tiến công làm chủ phân chi khu quân sự Dầu Giây.

Hướng bắc sư đoàn 341 cùng biệt động thị xã đánh địch ở khu vực nhà nhà thờ, địch chiếm lại ngã tư đường sắt.

Hướng nam tiểu đoàn 445 đại đội 41 và K8 Xuân lộc tiếp tục, chia cắt đánh địch ở Tân Phong, Suối Cát. Đội nữ pháo binh Xuân Lộc liên tục pháo kích vào chỉ huy sở hành quân của địch.

Chiến sự xảy ra vô cùng ác liệt ở trung tâm thị xã. Địch giãn bộ binh ra và dùng phi pháo oanh kích hủy diệt các mục tiêu ta đã chiếm được. Các loại máy bay AD6, A7, F5A liên tục ném bom, bắn hỏa tiễn dùng loại máy bay vận tải C130 rải bom tọa độ. Các con đường Phan Thanh Giản, Hồng Thập Tự, đoạn cua heo... nhà cửa bị đánh phá tan hoang. Ta kịp thời sơ tán trên 2.000 dân ra hướng Bình Lộc, Bàu Sen.

Ngày 11 tháng 4 quân đoàn 3 ngưng tăng viện cho Xuân Lộc 1 chiến đoàn bộ binh 3 thiết đoàn, nhưng lực lượng này bị ta chặn đứng tại Hưng Lộc.

Ngày 12 tháng 4, mũi hướng tây ta làm chủ hoàn toàn ngã ba Dầu Giây và đánh bật hầu hết các đợt phản kích từ hướng nam lên chi viện cho thị xã.

Mũi hướng đông và bắc chiến sự ngày càng quyết liệt. Địch tăng cường phi pháo oanh tạc các mục tiêu ta đã chiếm và đánh vào phía sau đội hình tiến công của ta. Trên 70 khẩu pháo và 50 phi vụ oanh kích vào đội hình ta. Đặc biệt 14 giờ chiều 12 tháng 4 địch ném 2 quả bom CBU xuống cách thị xã 800 mét về hướng bắc. Đây là loại bom hơi ngạt (giết người bằng bức xạ đốt cháy oxy). Thương vong mũi bắc của ta lên đến 1.100 người trong ngày. Chiều 12 tháng 4, hàng trăm lần chiếc máy bay lên thẳng đổ lữ đoàn 1 dù xuống nam Tân Phong, ngưng quyền Sài Gòn sử dụng át chủ vào chiến trường Xuân Lộc.

Trước tình hình nghiêm trọng đồng chí Hoàng Cầm trực tiếp xuống Xuân Lộc nắm tình hình và chỉ đạo thay đổi phương án tác chiến: Tạm thời rút lực lượng chủ lực ra khỏi trung tâm thị xã để củng cố; sử dụng lực lượng dự bị mạnh bất ngờ tiến công địch tiêu diệt chiến đoàn 52/18 tại Kiệm Tân và Dầu Giây, chiếm cao

điểm Núi Thị, tách Xuân Lộc khỏi sự chi viện từ hướng tây. Xuân Lộc bị cô lập sẽ hoang mang, ta tung lực lượng đánh địch bật khỏi Xuân Lộc.

Rạng sáng 15 tháng 4 trung đoàn 33 và lực lượng du kích tiêu diệt 1 tiểu đoàn của chiến đoàn 52 và 1 chi đoàn xe bọc thép tại ngã ba Dầu Giây, chiếm Núi Thị. Trung đoàn 4 diệt gọn 2 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 chi đoàn xe bọc thép thu 12 khẩu pháo, bắt sống hàng trăm tù binh, giải phóng chi khu Kiệm Tân. Chiến đoàn 52 sư 18 bị đánh tan.

Để cứu vãn tình thế, ngày 16 tháng 4, Tư lệnh quân đoàn 3 nguy vội vã thành lập Bộ chỉ huy tiền phương ở Trảng Bom.

Phối hợp với bộ đội chủ lực, Huyện ủy huyện Cao su thực hiện chủ trương: Tranh thủ thời cơ, du kích tự vệ khẩn trương hỗ trợ công nhân chiến đấu và nổi dậy giải phóng các sở, ấp Cao su. Ngày 16 tháng 4 tự vệ, du kích phối hợp với công nhân nổi dậy giải phóng sở cao su Bình Lộc.

Ngày 19 tháng 4 giải phóng ấp Suối Tre.

Ngày 20 tháng 4 giải phóng Cốc Rang và An Lộc... Trước khí thế tiến công và nổi dậy mạnh mẽ của tự vệ, du kích và công nhân, bọn chủ sở chạy về Sài Gòn. Toàn bộ tài sản, vật tư máy móc của các sở cao su được công nhân quản lý giữ gìn chu đáo.

Sau một tuần lễ chuyển phương án tác chiến, ta đánh quy chiến đoàn 52 và chiến đoàn 8 nguy. Quân địch ở Long Khánh không còn hy vọng sự cứu viện của Bộ tư lệnh quân đoàn 3 và Sài Gòn. Cùng với thời gian này tuyến phòng thủ Phan Rang bị phá vỡ. Đại quân ta từ miền Trung thần tốc tiến vào Nam bộ. Tinh thần binh sĩ nguy ở Long Khánh hoang mang cực độ. Ngày 18 tháng 4, quân đoàn 3 phải dùng máy bay lên thẳng bốc một bộ phận từ Xuân Lộc về Trảng Bom để củng cố tuyến phòng thủ mới.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định: “tiên công dứt điểm, giải phóng Xuân Lộc”. Ngày 18 và 19 tháng 4 năm 1975, pháo địch tập trung bắn ở hướng tây thị xã. Bộ chỉ huy nhận định: “địch đã bắn pháo nghi binh, có khả năng tháo chạy về 2 hướng: theo đường số 2 về Vạn Kiếp – Bà Rịa, hoặc theo hướng nam Sở Ông Quế về Nước Trong (Long Thành) hoặc Trảng Bom...”, ra mệnh lệnh triển khai đánh địch tháo chạy hướng nam Xuân Lộc.

Một giờ sáng 21 tháng 4 năm 1975 quân ta mở đợt tiến công cuối cùng vào Xuân Lộc, nhưng toàn bộ sư đoàn 18 và tiểu khu Long Khánh đã rút chạy khỏi Xuân Lộc từ 10 giờ đêm 20 tháng 4. Trên hướng liên tỉnh lộ số 2, đại đội 41 chặn đánh tàn quân địch bắt sống hàng trăm tên, trong đó có đại tá Phạm Văn Phúc tỉnh trưởng tỉnh Long Khánh.

Tám giờ sáng ngày 21 tháng 4 năm 1975, ngụy quân, ngụy quyền ở thị xã Long Khánh tháo chạy và tan rã hoàn toàn. Tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc bị đập tan - cửa ngõ tiến quân vào Sài Gòn của đại quân ta được mở.

Trong lúc chiến dịch Xuân Lộc đang diễn ra ác liệt, Bộ Chỉ huy Miền đã chỉ đạo mặt trận cánh đông triển khai các trung đoàn đặc công, biệt động thọc sâu áp sát để đánh chiếm đầu cầu ở quân đoàn 3 ngụy, đánh chiếm Bộ tư lệnh hải quân ngụy, chiếm giữ cầu Sài Gòn đảm bảo cho quân đoàn tiến vào dinh Độc Lập. Các đơn vị chấp hành và thực hiện đúng ý đồ chỉ đạo. Sau 12 ngày đêm chiến đấu anh dũng, lực lượng cách mạng đã đánh tan hệ thống phòng thủ của địch, giải phóng thị xã Long Khánh và tiến về Sài Gòn.

Chiến thắng Xuân Lộc (nay thuộc thị xã Long Khánh) được Bộ Văn Hóa xếp hạng theo quyết định số 1288/VH-QĐ ngày 16 tháng 11 năm 1988. Di tích ghi dấu cuộc chiến đấu anh dũng của quân, dân Đồng Nai và cả nước trong công cuộc giải phóng đất nước vào mùa xuân lịch sử 1975. Cụm di tích Xuân Lộc, nơi ghi nhận một chiến công oanh liệt trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Chính quyền đã dựng bia Chiến thắng để ghi công và tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc nói chung, quân dân Đồng Nai, Xuân Lộc nói riêng.

Cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hòa-Đồng Nai. Anh (chị) sẽ làm gì để phát huy truyền thống cách mạng ấy

Sinh thời khi nói về lòng yêu nước của dân tộc ta, chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết rằng: “Dân tộc Việt Nam có một lòng yêu nước nồng nàn. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự hiểm nguy, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.

Trong hào khí chống giặc ngoại xâm đó, có những tấm gương đã anh dũng hi sinh vì Tổ Quốc, có những con người đã hóa thành bất tử mà tên tuổi của họ Sử sách Việt mãi còn lưu danh đến muôn đời

Từ thuở nhỏ, tôi có niềm say mê kì lạ đối với bộ môn khoa học lịch sử Việt Nam, có lẽ vậy nên tôi có thể say sưa ngồi trước truyền hình để xem những câu chuyện “Sử cũ, tích xưa”, xem trọn hàng giờ những bộ phim tài liệu về hai cuộc chiến thắng thần thánh của dân tộc:kháng Pháp và chống Mỹ cứu nước, chuyện về những danh nhân, Đôi mắt ngấn lệ trước những tấm gương hi sinh bi hùng vì nước mà quên đi bản thân mình, cảm phục trước những công lao đóng góp to lớn của các bậc tiền nhân cho nước nhà hay những nỗi niềm trăn trở băn khoăn của các bậc tiền bối đi trước khi lúc bấy giờ chưa thể tìm ra được con đường cứu nước của dân tộc, những mẹ Việt Nam anh hùng tiễn con ra ngoài mặt trận với lời dạy khi giết sạch bóng quân thù thì hãy trở về. Ôi tự hào lắm lắm thay những con Lạc, cháu Rồng!

Đồng Nai, mảnh đất miền Đông gian lao mà anh dũng với lịch sử hơn 300 năm hình thành và phát triển của mình cũng đã trải qua biết bao nhiêu thăng trầm, biến cố của lịch sử. Hòa trong dòng chảy của dân tộc, có những lúc tưởng chừng như không vượt qua nổi chông gai, thử thách nhưng rồi ý chí, nghị lực và niềm tin vào ngày mai tươi sáng đã vượt qua tất cả. Góp phần làm nên những trang lịch sử chói lọi của Đồng Nai đó là những danh nhân, những tấm gương yêu nước mạnh liệt, những mẹ Việt Nam anh hùng có thể kê tên như: Nguyễn Hữu Cảnh, Trịnh Hoài Đức, Nguyễn Tri Phương... Và tất cả những người con xứ Đồng Nai anh hùng trong một nước Việt Nam anh hùng. Vì những tấm gương anh dũng đó mà ngay nay mọi người phải biết quý trọng những gì cha ông đã đi trước và để lại cho mình. Biết giữ gìn nền truyền thống tốt đẹp đó và phát huy ngày càng tốt đẹp hơn. Chúng ta không nên sống quá ích kỷ chỉ nghĩ cho bản thân mình. Mà phải luôn quan tâm đến những người xung quanh, những người cần sự giúp đỡ của chúng ta dù chỉ những miếng bánh nhỏ. Hãy cho đi chúng ta cũng chẳng mất mát gì nhưng ngược lại được sự yêu quý và biết ơn của người đó. Luôn luôn phải biết giữ đoàn kết trong mọi hoàn cảnh, trong lớp học, nơi làm việc, khi đi chơi... Nó sẽ giúp chúng ta hoàn thiện về con người lẫn tính cách, như Bác đã nói "Đoàn kết thì sống chia rẽ thì chết". Còn là học sinh thì phải biết ơn những người đã góp phần nuôi dưỡng và xây dựng cho một xã hội đầy đủ hơn xưa rất nhiều. Có trường học có xe đi, có người dạy, quần áo đầy đủ vì thế phải ra sức cố gắng học tập và rèn luyện đạo đức. Luôn sáng tạo để sớm có thể làm chủ được khoa học kỹ thuật để đưa đất nước Việt Nam ngày càng phát triển giàu mạnh hơn, như Bác đã dạy "Đất nước Việt Nam có sánh vai với các cường quốc nam châu được hay không chính là nhờ công học tập của các em". Vì thế học sinh phải ra sức học tập tốt để không phụ lòng những người đã tạo cơ hội và điều kiện cho mình học tập. Biết giữ gìn di sản của văn hóa lịch sử, tham gia nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi, tham gia các hoạt động, cuộc thi văn hóa lịch sử do địa phương tổ chức. Kể sao cho xiê những giọt máu, mồ hôi của biết bao con người Đồng Nai đã đổ lên mảnh đất này. Xin gửi ngàn lời ngưỡng mộ, ngàn lời biết ơn đến những người quân dân này. Đất nước và nhân dân luôn luôn biết ơn tấm lòng của các chiến sĩ quân dân luôn nhớ ơn và làm gương.